BỘ QUỐC PHÒNG
TỔNG CÔNG TY 36

PHƯƠNG ÁN
CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2015

PHẦN I:
GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔNG CÔNG TY 36

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung về Tổng Công ty 36

- Tên gọi đầy đủ: Tổng Công ty 36
(Công ty TNHH một thành viên)
- Tên giao dịch quốc tế: 36 CORPORATION
- Tên giao dịch: Tổng Công ty 36 (Công ty TNHH một thành viên)
- Tên viết tắt: TCT 36
- Địa chỉ: số 141- Hồ Đắc Di, Nam Đồng - Đống Đa- Hà Nội
- Điện thoại: 04 35332471 Fax: 04 35332472
- Mã số thuế: 0105454762
- Webstite: www.tongcongty36.com
- Biểu tượng (logo):

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105454762, đăng ký lần đầu ngày 22/03/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 24/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Vốn điều lệ trên đăng ký kinh doanh: 500.000.000.000 đồng.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tổng Công ty 36 (TCT36) ngày nay là tiền thân của Xí nghiệp Xây dựng Công trình 36 được thành lập theo Quyết định số 400/QĐ-BQP ngày 04 tháng 4 năm 1996 của Bộ Quốc phòng, là đơn vị hạch toán phụ thuộc TCT Thành An (Binh đoàn 11);

- Thực hiện Quyết định số 339/QĐ -TTg ngày 31/3/2008 Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng giai đoạn 2008-2010; căn cứ trên cơ sở đề án sắp xếp lại Tổng Công ty Thành An (Binh đoàn 11), Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 39/2006/QĐ-BQP ngày 09 tháng 4 năm 2006 về việc thành lập Công ty TNHH nhà nước MTV Đầu tư Xây lắp và Thương mại 36, là mô hình Công ty TNHH đầu tiên trong Quân đội.

- Ngày 21/7/2008, Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 109/QĐ- BQP ngày về việc sáp nhập Công ty Xây dựng Công trình 56 vào Công ty TNHH Nhà nước MTV Đầu tư Xây lắp và Thương mại 36.

- Ngày 23/8/2011, Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 3036/QĐ-BQP ngày về việc thành lập TCT 36 hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con trên cơ sở tổ chức lại Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây lắp và Thương mại 36;

Với truyền thống kinh nghiệm hơn 18 năm trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, TCT 36 tự hào là doanh nghiệp đầu tiên được Đảng Ủy Quân Sự TW, Bộ Quốc phòng tin tưởng thí điểm thành công mô hình quản lý "Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên" hiện đã được nhân rộng trong hầu hết các doanh nghiệp quân đội.

Hiện nay, TCT 36 là nhà thầu đa năng, hoạt động trong các lĩnh vực như xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đầu tư kinh doanh bất động sản... ngoài ra TCT còn mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác như: kinh doanh tổng hợp, sản xuất bê tong thương phẩm, cung cấp và lắp đặt thang máy, điều hòa không khí, rà phá bom mìn.... TCT hiện có trên 300 đầu thiết bị đủ

sức thi công các công trình có quy mô lớn như xây dựng các công trình nhà cao tầng, thuỷ điện. đường giao thông ...do vậy có khả năng thi công và hoàn thành các công trình đảm bảo chất lượng, kỹ mỹ thuật được thị trường đánh giá cao. Giá trị sản xuất hàng năm của TCT hiện nay đạt hơn 2.000 tỷ đồng, tạo thu nhập và việc làm ổn định, phát triển cho hơn 6.000 người lao động; tham gia các hoạt động xã hội như ủng hộ giúp đỡ ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, vùng bão lụt, các gia đình chính sách, nhà tình nghĩa, công trình tâm linh Truông Bồn, bênh nhân ung thư do Bộ Y tế phát động....hơn 32 tỷ đồng.

Đội ngũ cán bộ của TCT 36 là các sĩ quan, QNCN, công nhân viên quốc phòng đã có kinh nghiệm trong chiến đấu cũng như kinh nghiệm thi công các công trình lớn có tầm cỡ quốc gia. Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh " Quân đội vừa là một đội quân chiến đấu, vừa là đội quân công tác ", toàn thể cán bộ, người lao động của TCT không quản ngại khó khăn, thi công các công trình có quy mô lớn, tính chất phức tạp cao. Phương châm "Chúng tôi sẽ đến nơi đâu tôi cần đến" là lời khẳng định rõ ràng, mạnh mẽ, thể hiện sự quyết tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT.

Trong công tác tuyển dụng, đào tạo, TCT luôn chú trọng tuyển dụng các lao động có trình độ chuyên môn giỏi, phù hợp với hoạt động của TCT. Hiện tại, TCT có hàng nghìn lao động và cán bộ và công nhân kỹ thuật, kỹ sư có trình độ đại học và trên đại học, công nhân kỹ thuật có kiến thức chuyên môn và giàu kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh.

Tổng Công ty vinh dự được Chủ tịch liên hiệp UNESCO thế giới và chủ tịch UNESCO Việt Nam tặng Bảng vàng doanh nghiệp văn hoá UNESCO năm 2011 đơn vị điển hình về thực hiện trách nhiệm xã hội và phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam. Được Đảng, Nhà nước tặng thưởng 1 Huân chương Lao động hạng nhất, 2 Huân chương lao động hạng nhì trong đó 1 huân chương lao động hạng 2 do nước CHDCND Lào trao tặng, 3 Huân chương lao động hạng 3, 1 Cờ thi đua của Chính phủ năm 2011; Bộ Quốc phòng tặng Cờ thi đua năm 2010, 2014, 2015; Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu 5 năm liền 2006-2010 và 2010-2015; được Tổng cục Chính trị tặng cờ đơn vị xuất sắc năm 2011, Đảng bộ là 1 trong 100 Tổ chức đảng tiêu biểu toàn quốc được tôn vinh năm 2011, ngoài ra TCT còn giành được nhiều Bằng, giấy khen, cúp vàng, các giải thưởng do các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp trao tặng. Đặc biệt TCT 36 và cá nhân đồng chí Tổng Giám đốc được Đảng, Nhà nước phong tặng Danh hiệu Anh Hùng Lao Động.

Nhưng vinh dự luôn đi kèm với trách nhiệm, vinh dự càng lớn thì trách nhiệm càng nặng nề bởi giờ đây nhiệm vụ và thách thức đòi hỏi CBCNV, người lao động TCT 36 phải nỗ lực phấn đấu hơn nữa. Đó vừa là quy luật tất yếu của sự phát triển đồng thời cũng là danh dự, phẩm giá của tập thể và mỗi cá nhân. Vì vậy, tập thể người lao động TCT 36 luôn nhận thức sâu sắc trong mọi suy nghĩ và hành động của mình để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hoàn thành tốt đường lối chủ trương của Đảng, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, của Bộ Quốc phòng về cổ phần hóa TCT 36, góp phần xây dựng quân đội, đất nước ngày càng vững mạnh.

3. Nhiệm vụ quân sự

- Huấn luyện dự bị động viên,
- Cứu hộ, cứu nạn khắc phục sự cố thiên tai

4. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (ngành nghề kinh doanh)

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105454762. Ngành nghề của TCT theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

5. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty

a) Chủ tịch Công ty (kiêm Tổng Giám đốc)

b) Các Phó Tổng Giám đốc

c) Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính

d) Kiểm soát viên

đ) Các phòng (ban) cơ quan

e) Đơn vị quân sự:

- Lữ đoàn Công binh công trình dự bị động viên 136
- Tiểu đoàn Công binh kiêm nhiệm 55

f) Các đơn vị sản xuất kinh doanh:

* Công ty con

- Công ty TNHH một thành viên 36.55
- Công ty TNHH một thành viên BOT 36.71

* Công ty liên kết: Công ty TNHH hai thành viên (Công ty TNHH BOT- Quốc lộ 6-Hòa Lạc – Hòa Bình)

- 17 công ty, chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty)

6. Vị thế của TCT 36 đối với các doanh nghiệp khác trong ngành.

6.1. Vị thế của Tổng công ty

Tổng Công ty có thế mạnh truyền thống trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình quốc phòng, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện; sản xuất cơ khí, vận tải; rà phá bom mìn, vật liệu nổ; với lực lượng thiết bị hiện đại được nhập từ các nước tiên tiến trên thế giới như: Mỹ, Nhật, Đức, ... TCT 36 đã tham gia xây dựng hàng trăm công trình thuộc các lĩnh vực: công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện... Từ hiệu quả thi công hàng trăm công trình lớn trên khắp mọi miền của Tổ quốc, TCT 36 là doanh nghiệp đầu tiên được Đảng Ủy Quân Sự TW, Bộ Quốc phòng tin tưởng thí điểm thành công mô hình quản lý "Công ty TNHH1TV" hiện đã được nhân rộng trong hầu hết các doanh nghiệp quân đội. Thương hiệu TCT 36 đã có uy tín cao trong lĩnh vực xây dựng Việt Nam và quốc tế, đã được các nhà đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao.

Tính đến thời điểm hiện nay TCT có 1.311 cán bộ công nhân viên, trong đó có 522 cán bộ là kỹ sư, kiến trúc sư và 653 công nhân kỹ thuật lành nghề được đào tạo chính qui ở trong và ngoài nước, tích luỹ được nhiều kinh nghiệm trong quản lý và tổ chức thi công, đặc biệt qua việc thi công các công trình đòi hỏi ứng dụng công nghệ thi công hiện đại với các tiêu chuẩn quốc tế.

Trải qua hơn 10 năm xây dựng và trưởng thành, ngày nay TCT 36 là một một trong những doanh nghiệp xây dựng hàng đầu của Quân đội hiện nay. Ngành xây dựng, TCT được biết đến là một nhà thầu thi công lớn có uy tín đã tham giam thực hiện những hạng mục quan trọng nhiều dự án lớn cho những khách hàng là nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam, trọng điểm tại nhiều địa phương cả 3 miền Bắc, Trung và Nam như: Hội trường Bộ Quốc phòng, Nhà làm việc các Ban Đảng. Đập thủy lợi Môn Sơn,

Khách sạn 5 sao Bộ Quốc phòng, Đường Đông Trường Sơn, Đường tuần tra biên giới, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, thủy điện Khe Bố, ...

Chuyên nghiệp và năng động, TCT 36 đã khẳng định được thế mạnh của một đơn vị hàng đầu trong thi công xây dựng, được sự tín nhiệm của các chủ đầu tư, và trở thành một đối tác tin cậy đối với nhiều nhà đầu tư nước ngoài đang tìm cơ hội để đầu tư vào Việt Nam.

6.3. Triển vọng phát triển của ngành Xây dựng

Trong các năm vừa qua, ngành Xây dựng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Suy thoái kinh tế thế giới do khủng hoảng nợ công ở châu Âu có diễn biến phức tạp, khó lường. Ở trong nước, lạm phát cao, giá cả nguyên vật liệu tăng cao, thị trường chứng khoán sụt giảm, thị trường bất động sản trầm lắng, lãi suất cao... đã tác động tiêu cực đến hoạt động của ngành Xây dựng.

Theo Quyết định số 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/04/2009 về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, từ nay đến 2015 ưu tiên phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các vùng đô thị lớn và các khu kinh tế tổng hợp đóng vai trò là cực tăng trưởng chủ đạo cấp quốc gia; từ năm 2015 đến 2025 ưu tiên phát triển các vùng đô thị hóa cơ bản, giảm thiểu sự phát triển phân tán, cục bộ; giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2050 chuyển dần sang phát triển theo mạng lưới đô thị.

Mục tiêu của Chính phủ đề ra đến năm 2015 tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt 38%, hệ thống đô thị khoảng 870 đô thị, gồm: 02 đô thị đặc biệt, các đô thị từ loại IV đến loại I là 211 đô thị, 657 đô thị loại V và hình thành thêm 132 đô thị mới. Đồng thời, theo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của Chính phủ, mục tiêu đến năm 2015, diện tích nhà ở bình quân toàn quốc gia đạt khoảng 22 m2 sàn/người, trong đó tại đô thị đạt 26 m2 sàn/người. Tỷ lệ nhà ở kiên cố toàn quốc đạt khoảng 62%, trong đó tại đô thị đạt 65%, tại nông thôn đạt 60%; giảm tỷ lệ nhà ở đơn sơ xuống dưới 5%; nâng tỷ lệ hộ gia đình có công trình phụ hợp vệ sinh lên 70%, trong đó tại đô thị đạt 95% và tại nông thôn đạt 50%; tỷ lệ nhà ở chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại đô thị loại đặc biệt (Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) đạt trên 80%, đô thị từ loại I đến loại II đạt trên 50%, đô thị loại III đạt trên 30% tổng số đơn vị nhà ở xây dựng mới; tỷ lệ nhà ở cho thuê đạt tối thiểu khoảng 20% tổng quỹ nhà ở tại các đô thị loại III trở lên.

Để có thể hoàn thành được mục tiêu Chính phủ đề ra, ngành Xây dựng phải tập trung quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện. Đây là điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng dân dụng nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản nói riêng phát triển hơn nữa.

Do vậy, trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, ngành xây dựng có triển vọng phát triển mạnh.

6.4 Đánh giá sự phù hợp

Trong quá trình hoạt động và phát triển, TCT 36 luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu và định hướng phát triển của ngành Xây dựng.

Cùng với việc khẳng định, nâng cao uy tín, thương hiệu Tổng TCT36 trong lĩnh vực xây dựng, những năm qua, TCT cũng mạnh dạn chuyển hướng, mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực bất động sản, tham gia góp vốn thực hiện các dự

án BOT. Lĩnh vực đầu tư kinh doanh mới không chỉ đem đến hiệu quả kinh tế mà thương hiệu TCT 36 cũng được nâng cao.

Tiếp nối truyền thống "chim đầu đàn" trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình, thời gian qua, TCT 36 vẫn xác định xây dựng là lĩnh vực kinh doanh chính. Do đó TCT đã đẩy mạnh công tác đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, công nghệ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Hàng trăm ô-tô vận chuyển, máy đào, cần trục có sức nâng lớn, máy khoan thủy lực, khoan nhồi... công nghệ hiện đại, tiên tiến của các nước Nhật Bản, Mỹ, Đức, Trung Quốc, ... được TCT và các đơn vị thành viên đưa vào bổ sung, thay thế các thiết bị cơ giới lạc hậu. Những nỗ lực này thật sự phát huy hiệu quả, tạo ra thế và lực mới cho TCT trong bối cảnh thị trường xây dựng cạnh tranh khốc liệt.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Đánh giá tổng quát

1.1 Tình hình thế giới

Từ đầu năm 2011 tình hình kinh tế có nhiều diễn biến phức tạp: Lạm phát tăng cao, giá dầu thô, giá nguyên liệu cơ bản đầu vào của sản xuất, giá lương thực, thực phẩm và giá vàng trên thế giới tiếp tục xu hướng tăng cao đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế trong nước.

Năm 2012 nền kinh tế thế giới tiếp tục bất ổn do khủng hoảng tài chính và nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết, suy thoái khu vực, đồng Euro cùng với khủng hoảng tín dụng và tình trạng thất nghiệp gia tăng khiến cho hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp.

Năm 2013 nỗ lực vượt qua khó khăn kinh tế thế giới đã và đang có nhiều dấu hiệu phục hồi rõ nét hơn đặc biệt là sự khởi sắc của các nền kinh tế hàng đầu như Mỹ, Nhật Bản và Châu Âu, tuy tăng trưởng chậm nhưng bền vững hơn.

Năm 2014 nhiều tổ chức cũng như chuyên gia kinh tế tại các định chế tài chính hàng đầu thế giới đã nhận định kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục xu hướng phục hồi từ nửa cuối năm 2013.

1.2 Tình hình trong nước

Những bất lợi từ sự sụt giảm của nền kinh tế thế giới giai đoạn 2011-2013 đã ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống dân cư trong nước. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua trong dân giảm. Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại. Nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chấp nhận thu hẹp sản xuất, dừng hoạt đồng hoặc giải thể. Theo đó, nền kinh tế trong nước sẵn sàng hy sinh tăng trưởng "*duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý*" để đổi lấy là "*ổn định kinh tế vĩ mô*" từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Nhà nước đã thực hiện các nhóm giải pháp nhằm thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách hiện nay là kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Theo đó các giải pháp trọng tâm là: Chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng; chính sách tài khóa thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách Nhà nước; thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, khuyến khích xuất khẩu, kiềm chế nhập siêu, sử dụng tiết kiệm năng lượng; điều chỉnh giá điện, xăng dầu gắn với hỗ trợ hộ nghèo; tăng cường bảo đảm an sinh xã hội.

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, vốn đầu tư bị cắt giảm nên việc tìm kiếm các dự án, công trình có đủ nguồn vốn thanh toán gặp

nhiều khó khăn: Thị trường bất động sản đóng băng nên nhiều dự án đã ký hợp đồng nhưng không thể triển khai thi công do không có vốn thanh toán, việc vay vốn phục vụ thi công cũng gặp nhiều khó khăn, công tác thu hồi vốn chậm do Chủ đầu tư thiếu vốn dẫn đến tình trạng chi phí lãi vay để sản xuất kinh doanh cao,...

Những bất lợi và khủng hoảng nền kinh tế toàn cầu cũng đã ảnh hưởng trực tiếp đến TCT 36: các dự án chậm triển khai do khó khăn tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, chi phí vốn cao; công tác thu hồi vốn chậm; cạnh tranh gay gắt; khó khăn trong bố trí việc làm cho cán bộ công nhân viên,...

2. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng ủy Quân sự TW, sự quan tâm giúp đỡ của các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng; trong những năm qua TCT đã tham gia đấu thầu và thi công hàng trăm công trình có giá trị hợp đồng lớn trong nước, nước ngoài.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giá trị doanh thu duy trì ở mức độ doanh thu năm 2011 là 1.794 tỷ đồng, doanh thu năm 2012 là 2.510 tỷ đồng, doanh thu năm 2013 là 2.860 tỷ đồng; doanh thu 9 tháng đầu năm 2014 là 1.967 tỷ đồng, duy trì mức tăng trưởng doanh thu bình quân qua các năm trung bình trên 13,27% tạo công ăn việc làm cho người lao động, ngày ngày càng được nâng cao; các công trình thi công đều đảm bảo chất lượng tạo được uy tín lòng tin với khách hàng, luôn phát huy được thương hiệu của TCT.

Về mặt tài chính: TCT luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ chế độ cho người lao động, cho khách hàng và hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách với nhà nước.

Về mặt chế độ chính sách đối với người lao động: TCT luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, tạo mọi điều kiện để người lao động được thăng quân hàm, nâng bậc lương đúng niên hạn, chuyển chế độ quân nhân chuyên nghiệp, các chính sách hậu phương gia đình cán bộ và người lao động đều được quan tâm. 100% người lao động của TCT được trả tiền lương, tiền công phù hợp công việc và các chế độ khác theo qui định.

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản, TCT luôn quan tâm và trú trọng với quan điểm "đầu tư liên tục " đặc biệt là những trang thiết bị mới, phục vụ trong thi công chỉ trong 3 năm gần đây đã đầu tư 40.539 tỷ đồng. Tài sản của TCT được đầu tư đúng mục đích phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh. Trang thiết bị, máy móc xây dựng đầu tư hiện đại hàng đầu Việt Nam. Tài sản được giao cho các bộ phận sử dụng được quản lý, sửa chữa bảo dưỡng đúng định kỳ quy định. Không sử dụng tài sản tuỳ tiện, nhiều tài sản đã hết khấu hao vẫn có thể được sử dụng bình thường.

Về công tác tiếp thị, TCT xác định đây là một trong những vai trò quan trọng do vậy lãnh đạo chỉ huy TCT và các đơn vị trực thuộc không quản ngại khó khăn cùng nhau tìm kiếm việc làm, nên công tác tiếp thị giữ được các thị phần trên các địa bàn các tỉnh và cả thị phần nước ngoài (Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Phải nói là trong những năm qua TCT không ngừng phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và phấn đấu đưa hiệu quả sản xuất kinh doanh của TCT ngày càng phát triển bền vững; xây dựng đơn vị, Đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện, nhiều năm được Bộ Quốc phòng tặng bằng khen, cờ thi đua, Chính phủ tặng Huân chương lao động và phong tặng danh hiệu anh hùng lao động năm 2013.

3. Hệ thống quản lý chất lượng

Tổng Công ty áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 trong các lĩnh vực quản lý, đầu tư xây lắp công trình, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản trị doanh nghiệp. Hệ thống này được khái quát như sau:

Hệ thống quản lý chất lượng của Tổng Công ty 36

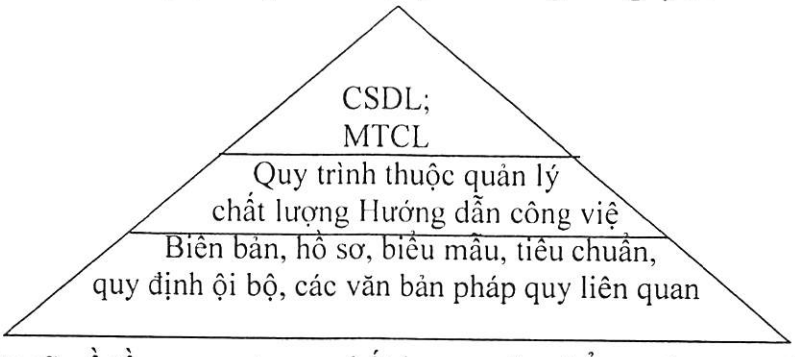

Nhận thức rõ về tầm quan trọng chất lượng sản phẩm, nâng cao để tạo thế cạnh tranh, TCT đã thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý nhằm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 với mục tiêu phát triển bền vững.

Hiện tại TCT đã đăng ký nhãn hiệu, thương mại với tên gọi và biểu tượng tại Cục Sở hữu trí tuệ trên lãnh thổ Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 113675 theo Quyết định số 23776 /QĐ-SHTT ngày 13/11 /2008; Quyết định sửa đổi số 48682/SHTT ngày 28/11/2011.

Biểu tượng thương hiệu của Tổng Công ty 36

4. Kết quả hoạt động SXKD Công ty mẹ - TCT 36 ba năm trước khi cổ phần

Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt đồng sản xuất kinh doanh Công ty mẹ - TCT 36 trong 3 năm trước khi cổ phần hóa theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc cơ quan tài chính của BQP phê duyệt quyết toán như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng giá trị tài sản	2.285.244.712	2.782.699.795	3.299.693.119
2	Vốn kinh doanh	1.011.913.513	952.212891	1.113.975.677
3	Vốn nhà nước	193.378.263	265.122.474	269.752.471
4	Tổng doanh thu	1.794.928.813	2.510.699.932	2.860.495.838
5	Tổng chi phí	1.749.699.979	2.479.244.861	2.815.452.988
6	Lợi nhuận trước thuế	45.228.834	31.455.071	45.042.850
7	Các khoản nộp ngân sách	55.960.197	110.340.911	121.820.388
	-Thuế giá trị gia tăng	*23.988.539*	*72.914.252*	*92.649.445*
	-Thuế xuất nhập khẩu	*11*		*749.252*

	- Thuế thu nhập DN	*14.847.210*	*6.912.922*	*11.260.712*
	- Nộp BHXH	*10.695.356*	*14.842.221*	*15.149.428*
8	Nợ phải trả	2.091.866.449	2.517.093.696	3.029.932.291
	-Trong đó vay ngân hàng	832.518.175	965.635.959	861.545.363
9	Nợ phải thu	712.773.837	1.201.918.146	1.712.956.329
	-Trong đó nợ khó đòi	35.372.317	31.892.652	46.525.779
10	Lợi nhuận sau thuế	34.882.408	24.542.148	33.782.137
11	Tỷ suất LNST/Vốn NN (ROE)	18,04	9,26	12,52
12	Tỷ suất LNST/Tài sản (ROA)	1,53	0,88	1,02
13	Tỷ số thanh toán nhanh	1,20	1,15	1,20
14	Hệ số nợ/tổng tài sản	91,5%	90,4%	91,8%
15	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	10,82	9,49	11,23
16	Vòng quay phải thu của khách hàng	3,13	2,87	2,14
17	Tổng quỹ lương	352.753.000	553.215	548.755
18	Tổng số lao động BQ	6.258	7.363	6.083
19	Thu nhập BQ 1 LĐ/tháng	4.793	5.976	7.599

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Doanh thu và thu nhập khác

Số liệu ở trên cho thấy tổng doanh thu và thu nhập khác của Công ty mẹ - TCT 36 đã tăng lên đáng kể qua các năm. Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2013 là 2.860,4 tỷ đồng, tăng 13,9% so với năm 2012 và tăng 59,3% so với năm 2011 (bao gồm từ doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh, doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác). Tiền lương bình quân tăng qua các năm là từ 19% đến 21%.

Trong các năm vừa qua, Công ty mẹ - TCT 36 đã không ngừng phát triển, mở rộng sản xuất, luôn chú trọng công tác tiếp thị đấu thầu. Với uy tín và thương hiệu ngày càng lớn mạnh, TCT 36 đã trúng thầu và được chỉ định thầu nhiều công trình, Dự án lớn mang tầm cỡ quốc gia.

Đây là tín hiệu khả quan cho thấy Công ty mẹ - TCT36 đang có những bước phát triển tốt và là động lực thúc đẩy sự phát triển của TCT trong những năm tiếp theo.

- Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế năm 2013 là 45.043 triệu đồng, tăng 43,2% so với năm 2012 và không tăng so với năm 2011.

Lợi nhuận sau thuế năm 2013 không tăng so với năm 2011 và tăng 37,6% so với năm 2012. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn nhà nước năm 2011 là 18,03%; năm 2012 là 9,25%; năm 2013 là 12,52%.

Nhìn vào số liệu ở trên có thể thấy tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn nhà nước trong 3 năm qua có biến động nhưng không đáng kể.

- Khả năng thanh toán

Tỷ số thanh toán của Công ty mẹ - TCT 36 trong 3 năm 2011 – 2013 đều lớn hơn 1 chứng tỏ TCT có khả năng thanh toán các khoản nợ. Tỷ số này đã giúp TCT tạo được

niềm tin đối với các nhà đầu tư, các nhà cung cấp tín dụng trong việc huy động vốn để mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh.

Tuy kết quả kinh doanh có nhiều khởi sắc trong 03 năm 2011-2013 nhưng về tình hình tài chính, TCT cũng gặp những khó khăn nhất định, thể hiện qua các chỉ tiêu phản ánh như sau:

- Tỷ số khả năng thanh toán nhanh của TCT duy trì qua các năm thấp
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ 3 năm trước khi cổ phần hóa tương đối lớn, trong đó năm 2012 là 9,49 lần, năm 2013 là 11,23 lần. Hệ số trên cho thấy Công ty mẹ đang lệ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài. TCT chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng, các tổ chức khác và chiếm dụng công nợ của khách hàng. Điều này chứng tỏ khả năng tự chủ về tài chính của TCT rất thấp, lệ thuộc vốn vào bên ngoài và chịu áp lực lớn trong thanh toán ngắn hạn. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình hình này là quy mô tài sản của TCT tăng quá nhanh, trong khi vốn chủ sở hữu không tăng nhiều;
- Các chủ đầu tư chậm thanh toán và chiếm dụng công nợ của TCT.
- Vòng quay phải thu khách hàng: TCT tiếp tục sử dụng đòn bẩy tài chính với độ lớn cao để điều hành tài chính, cũng cho thấy dòng tiền TCT đang luân chuyển chậm đối với tiền vào thu hồi nợ chậm. Nếu như năm 2011, TCT có số vòng thu hồi nợ 3,13 vòng thời gian thu hồi nợ là 115 ngày, thì năm 2013 số vòng thu hồi nợ ở mức 2,14 vòng, thời gian thu hồi nợ tính được trong 2013 là 168 ngày. Đây thực sự là thách thức lớn đối với TCT sau cổ phần hóa. Do Tổng Công ty thi công nhiều công trình đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước, có công trình lớn phải thi công trong nhiều năm, nhiều công trình hoặc chậm thanh toán vốn, hoặc chậm phê duyệt quyết toán dẫn đến nợ phải thu lớn. Vì vậy việc thu hồi công nợ tương đối chậm, hoạt động sản xuất và tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, đã tác động mạnh, làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT;
- Tỷ suất sinh lời từ tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời từ vốn chủ sở hữu (ROE) gần đây đều có xu hướng giảm đi . Việc vay nợ trong những năm gần giảm xuống, đảm bảo nguồn tài trợ cho TCT là vấn đề hợp lý.

5.Tình hình tài chính hợp nhất của Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng giá trị tài sản	2.285.244.712	2.928.707.064	3.531.277.008
2	Vốn kinh doanh	1.011.913.513	974.365.266	1.132.032.837
3	Vốn nhà nước	193.378.263	281.700.350	284.952.065
4	Tổng doanh thu	1.794.928.813	2.744.439.373	3.121.201.403
5	Tổng chi phí	1.749.699.979	2.710.642.874	3.074.753.307
6	Lợi nhuận trước thuế	45.228.834	33.796.499	46.448.095
7	Các khoản nộp ngân sách	55.960.197	121.091.631	131.110.780
	- Thuế giá trị gia tăng	*23.988.539*	*83.127.818*	*101.497.685*
	- Thuế xuất nhập khẩu	*11*		*749.252*
	- Thuế thu nhập DN	*14.847.210*	*7.441.512*	*11.612.023*
	- Nộp BHXH	*10.695.356*	*14.842.221*	*16.880.538*
8	Nợ phải trả	2.091.866.449	2.646.523.088	3.246.516.585

	- Trong đó vay ngân hàng	832.518.175	1.010.289.720	974.306.570
9	Nợ phải thu	712.773.837	1.260.734.040	1.852.988.623
	- Trong đó nợ khó đòi	35.372.317	33.715.787	48.235.423
10	Lợi nhuận sau thuế	34.882.408	26.354.986	34.836.071
11	Tỷ suất LN/VNN (ROE) (%)	18,04	9,36	12,23
12	Tỷ suất LN/Tài sản (ROA)	1,53	0,90	1,00
13	Tỷ số thanh toán nhanh	1,20	1,14	1,18
14	Tỷ số nợ			
15	Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	10,82	9,39	11,39
16	Vòng quay phải thu của khách hàng	3,13	2,78	2,00
17	Tổng quỹ lương	371.979.000	580.716.000	611.500.000
18	Tổng số lao động BQ	6.640	8.570	8.580
19	Thu nhập BQ1 LĐ/tháng	4.761	5.541	3.011

6. Đánh giá thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi:

Được sự quan tâm chỉ đạo toàn diện, thường xuyên của Đảng ủy quân sự TW, sự giúp đỡ của các cơ quan chức năng và Thủ trưởng BQP, TCT luôn hoàn thành hai nhiệm vụ chiến lược đó là: Sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường và nhiệm quân sự: cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố thiên tai.

Nguyên nhân đạt được những kết quả nêu trên:

- Được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ giúp đỡ của lãnh đạo BQP, các Bộ, các cơ quan chức năng ngoài Nhà nước hỗ trợ giúp đỡ TCT trong quá trình hoạt động, tạo điều kiện cho TCT được tham gia các dự án lớn.

- Bộ máy lãnh đạo của TCT ổn định, cán bộ, cán bộ và người lao động nêu cao tinh thần đoàn kết phát huy được được truyền thống tốt đẹp "anh bộ đội cụ hồ", lực lượng vũ trang nhân dân và đơn vị anh hùng lao động.

- Trong việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động được đầy đủ, đặc biệt là việc chuyển chế độ đối chế độ sĩ quan, QNCN nên từ đó người lao động yên tâm công tác.

Sự phối hợp chặt chẽ trong công việc giữa các bộ phận trong toàn TCT;

Xây dựng và thực hiện ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của CBCNV trong công việc và nhiệm vụ được giao, đạt hiệu quả công việc cao hơn so với các năm trước đây.

b) Những khó khăn:

- Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề.

- Cơ chế thị trường cạnh tranh diễn biến ngày càng phức tạp, trong khi nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do các A nợ nhiều, ngân hàng hạn mức vốn vay, giá cả thị trường biến động, không ổn định nên ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT.

- Cắt giảm đầu tư công và sự đóng băng của thị trường bất động sản; một số dự án chậm triển khai; nhiều công trình bên A chậm thanh toán ....

III. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY MẸ - TCT 36 TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của công ty mẹ theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 30/9/2014) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	*2*	*3*	*4*	*5*
A	**TSCĐ ĐANG DÙNG**	**459.053.467.687**	**289.168.715.790**	**169.884.751.897**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	41.679.142.492	16.719.927.522	24.959.214.970
2	Máy móc, thiết bị	256.859.174.223	160.043.493.012	96.815.681.211
3	Phương tiện vận tải	158.132.579.346	110.706.119.472	47.426.459.874
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.964.271.626	1.573.685.790	390.585.836
5	TSCĐ vô hình	418.300.000	125.489.994	292.810.006
B	**TSCĐ không cần dung**	-	-	-
C	**TSCĐ chờ thanh lý**	-	-	-
D	**TSCĐ hình thành từ Quỹ KT, Quỹ PL**	-	-	-
	Tổng cộng	**459.053.467.687**	**289.168.715.790**	**169.884.751.897**

*** Nhà cửa, vật kiến trúc:**

- Nhà cửa vật kiến trúc bao gồm tại: Trụ sở cơ quan tại 141 Hồ Đắc Di, 1075 đường Giải phóng, Nhà ở và nhà làm việc ở Tây Tựu, Mỏ đá Tân Thắng, Mỏ đá Thành lập.

- Hiện tại, tại 141 Hồ Đắc Di, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa- Hà Nội là khu nhà làm việc 7 tầng dãy nhà ngang kết cấu khung thép chịu lực đưa vào sử dụng tháng 7 năm 2014 tuy nhiên chưa được BQP cấp nguồn vốn. Nhà 4 tầng kết cấu khung bê tông chịu lực, xây dựng từ năm 2009 hiện nay đang phá dỡ và xây lại 7 tầng khung bê tông chịu lực.

*** Máy móc thiết bị:** tại thời điểm ngày 30/9/2014 có 100 máy móc thiết bị các loại, sản xuất chủ yếu ở các nước như Nhật bản, Hàn Quốc, Mỹ , Đức, Italy, Trung quốc .... từ những năm 2006 đến 2014. Số máy móc thiết bị chuyển sang công ty cổ phần là 100 đầu thiết bị.

*** Phương tiện vận tải:** đến thời điểm 30/9/2014 có 153 xe ô tô các loại, mang biển quân sự (biển đỏ). Số thiết bị chuyển sang công ty cổ phần 153 xe ô tô.

*** Thiết bị dụng cụ quản lý:** chủ yếu là các trang thiết bị phục vụ cho văn phòng như máy photocopy, máy tính, máy fax, hệ thống camera, máy ảnh, ...

*** Tài sản cố định vô hình:** là phần mềm máy tính phục vụ cho bộ phận kế toán.

2. Thực trạng về nhà đất đai, nhà ở đang sử dụng:

Tình hình quản lý và sử dụng các lô đất của TCT đến thời điểm hiện nay có 07 khu đất, trong đó có 06 khu có quyết định của Bộ Tổng Tham mưu và UBND Thành phố Hà Nội (trong đó 1 khu đất của Công ty 36.55), và 01 khu đất thuê của UBND Tỉnh Nghệ An như sau:

2.1. Lô đất tại 141 Hồ Đắc Di, Phường Nam Đồng- Đống Đa – Hà Nội

- Diện tích 1.399,3m²

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 303/QĐ-TM ngày 21/02/2012 của Bộ Tổng Tham mưu (Kèm theo vị trí khu đất đóng quân); Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của UBND Thành phố Hà Nội; Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước và đề xuất phương án xử lý ngày 12/4/2012; Bản đồ hiện trạng khu đất; Giấy chứng nhận QSDĐ số BS 888109, cấp ngày 05/5/2014.

- Hiện trạng sử dụng:

+ Đã xây dựng nhà 7 tầng kết cấu khung thép chịu lực, diện tích xây dựng 233m², diện tích sàn 1.650m², diện tích sử dụng 1.400m²;

+ Nhà 4 và nhà 5 tầng diện tích xây dựng 468 m², diện tích sàn 1.931m², diện tích sử dụng 1.642 m², đã phá dỡ xây mới khung bê tông cốt thép chịu lực 9 tầng.

Tất cả diện tích trên là trụ sở làm việc của cơ quan TCT và một số đơn vị trực thuộc.

2.2. Lô đất tại số 1075 Đường giải phóng, Thịnh Liệt- Hoàng Mai-Hà Nội.

- Diện tích 3.016,4m²

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 302/QĐ-TM ngày 21/02/2012 của Bộ Tổng Tham mưu.(Kèm theo vị trí khu đất đóng quân); Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND Thành phố Hà Nội; Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước và đề xuất phương án xử lý ngày 18/4/2012; Bản đồ hiện trạng khu đất; Giấy chứng nhận QSDĐ số BS 888196, cấp ngày 28/5/2014

- Hiện trạng sử dụng:

+ Đã xây dựng nhà 8 tầng, kết cấu khung bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 330m², diện tích sàn 2.640m², diện tích sử dụng 2.112m²;

+ Dãy nhà 3 tầng diện tích sàn 1.795m², diện tích sử dụng 1.436m², là trụ sở đóng quân của các đơn vị phụ thuộc: Công ty 36.30, 36.62, 36.64, 36.65, 36.72, Công ty BOT 36.69, 36.32, 36,68, Công ty TNHH BOT Quốc lộ 6 và Ban Điều hành dự án 36.25,

2.3. Lô đất PhườngTây Tựu, Quận Bắc Từ liêm, Thành phố Hà Nội

- Diện tích 4.588 m²

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 301/QĐ-TM ngày 21/02/2012 của Bộ Tổng Tham mưu.(Kèm theo vị trí khu đất đóng quân); Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND Thành phố Hà Nội; Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước và đề xuất phương án xử lý ngày 17/4/2012; Bản đồ hiện trạng khu đất; Giấy chứng nhận QSDĐ số BS 888111, cấp ngày 05/5/2014

- Hiện trạng sử dụng:

+ Nhà cấp 4, diện tích xây dựng 126m², diện tích sàn 126m², diện tích sử dụng 126m²; là trụ sở đóng quân của các đơn vị phụ thuộc: Công ty 36.66, Trung tâm Bom mìn 20

2.4. Lô đất tại tổ 6, khu chiến thắng, Thị trấn Xuân Mai - Chương Mỹ -Hà Nội

- Diện tích 10.122 m²

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 299/QĐ-TM ngày 21/02/2012 của Bộ Tổng Tham mưu.(Kèm theo vị trí khu đất đóng quân); Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 06/5/2014 của UBND Thành phố Hà Nội; Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước và đề xuất phương án xử lý ngày 01/4/2012; Bản đồ hiện trạng khu đất; Giấy chứng nhận QSDĐ số BS 888195, cấp ngày 28/5/2014

- Hiện trạng sử dụng:

+ Có 02 nhà cấp 4, diện tích xây dựng 599m², diện tích sàn 599m², diện tích sử dụng 599m²; là trụ sở đóng quân của Công ty 36.97

2.5. Lô đất tại Xã Hồng Vân, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội

- Diện tích 11.199 m²

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 298/QĐ-TM ngày 21/02/2012 của Bộ Tổng Tham mưu.(Kèm theo vị trí khu đất đóng quân); Quyết định số 4412/QĐ-UBND ngày 25/8/2014 của UBND Thành phố Hà Nội; Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước và đề xuất phương án xử lý ngày /4/2012; Bản đồ hiện trạng khu đất; hiện đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hiện trạng sử dụng:

+ Nhà cấp 4, diện tích mặt bằng xây dựng 824m², diện tích sàn 824m², diện tích sử dụng 824m²; là khu kho của Tổng công ty;

2.6. Khu đất trụ sở công ty 36.63 tại Phường Hà Huy Tập Thành phố Vinh

- Diện tích 1.558m²

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 429/QĐ-UBND-ĐC ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ an về cho Tổng công ty 36 thuê đất tại Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, có hợp đồng thuê đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 753846 ngày 28/12/2003 của UBND Tỉnh Nghệ An

- Hiện trạng sử dụng: Đã xây dựng nhà 3 tầng kết cấu bê tông cốp thép, nhà ăn và kho , diện tích mặt bằng xây dựng 569m², diện tích sàn 1.391m², diện tích sử dụng 1.206m²; là trụ sở của Công ty 36.63;

3. Thực trạng về lao động:

Tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp), tổng số cán bộ công nhân viên, người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty mẹ là 1.303 người, cơ cấu như sau :

Tiêu chí	Số người	Tỷ Trọng	Trong đó nữ
I. Phân loại theo lao động	**1.303**	**100**	**204**
- Sĩ quan	124	9,52	5
- Quân nhân chuyên nghiệp	304	23,3	53
- Công nhân viên quốc phòng	256	19,65	54
- Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	582	44,67	79
- Lao động hợp đồng có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	37	2,8	13
II. Theo trình độ lao động			
- Trên đại học	14	1,07	4
- Đại học	571	43,82	149
- Cao đẳng	65	4.99	18
- Trung cấp	152	11,67	29
- Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	501	38,45	4

- Thực trạng lao động của Công ty mẹ những năm trước đây có một số hạn chế: Bộ máy quản lý điều hành, lao động khá cồng kềnh. Nhân sự lao động thiếu tính chủ động, một số lao động dư thừa do nhận sáp nhập từ công ty khác. Sau khi chuyển thành Tổng Công ty, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, về cơ bản đã có nhiều chuyển biến nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Công ty mẹ và tình hình kinh doanh hiện tại.

4. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý:

4.1. Đối với đất đai:

Theo phương án sử dụng đất khi chuyển sang Công ty Cổ phần, TCT 36 đề nghị xin thuê đất trả tiền hàng năm theo hồ sơ pháp lý hiện tại với toàn bộ các lô đất đang quản lý, sử dụng. Theo đó, không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp. Trường hợp đến thời điểm TCT chính thức chuyển đổi sang hình thức khác, nếu cơ quan có thẩm quyền có ý kiến khác về các phương án sử dụng đất và giá đất thì thực hiện điều chỉnh bổ sung (nếu có) trước thời điểm TCT chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

4.2. Công nợ không có khả năng thu hồi

Tổng giá trị các khoản công nợ không có khả năng thu hồi không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa thời điểm 30/09/2014 là 53.945.948.423 đ và tổng giá trị các khoản nợ khó đòi đã được xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 05 năm liền kề trước khi cổ phần hóa là 1.593.712.510 đồng, TCT 36 có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ, các tài liệu liên quan cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Các cơ quan tiếp nhận bàn giao có trách nhiệm tiếp tục theo dõi và tổ chức thu hồi. Trong thời gian chưa thực hiện bàn giao, chưa chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, TCT 36 vẫn có trách nhiệm tiếp tục theo dõi và tổ chức thu hồi các khoản công nợ đã được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá.

4.3. Các tồn tại về tài chính cần xử lý

- Tại thời điểm 30/09/2014, TCT 36 còn có các tồn tại về tài chính chưa xử lý, cụ thể:

+ Tồn tại một số khoản công nợ các chủ đầu tư không có khả năng thu hồi - Công ty 56 cũ chuyển sang

+ Tồn tại một số khoản công nợ các cá nhân không có khả năng thu hồi - Công ty 56 cũ chuyển sang

+ Tồn tại chi phí quản lý, lãi vay, khấu hao chờ phân bổ

+ Ngoài ra, các Công trình do đồng chí Nguyễn Minh Quang chỉ huy thi công mất cân đối 27.685.261.217 đ; các Công trình do đồng chí Nguyễn Trung Hiếu chỉ huy thi công mất cân đối 19.295.615.832 đ chưa được xử lý kịp thời. Hiện tại, TCT 36 đã đề nghị Cục Điều tra hình sự BQP xử lý các sai phạm của đồng chí Nguyễn Trung Hiếu và Nguyễn Minh Quang theo quy định của pháp luật. Do vậy, đến thời điểm phát hành công tác nêu trên chưa được xử lý.

Trong thời gian tới, TCT 36 tiếp tục xác định rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý trong giai đoạn kể từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến khi chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

PHẦN II
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ CỔ PHẦN HOÁ

1. Cơ sở pháp lý để cổ phần hóa

- Luật doanh nghiệp số 68/QH13/2014 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

- Thông tư 56/2013/TT-BQP ngày 02/5/2013 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn chuyển doanh nghiệp 10% vốn Nhà nước trong quân đội thành công ty cổ phần.

- Thông tư số 114/2015/TT-BQP ngày 28/9/2015 của Bộ Quốc phòng Quy định về bố trí, sử dụng và chế độ, chính sách đối với các đối tượng làm việc tại doanh nghiệp Quân đội thực hiện cổ phần hoá và tại công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu;

- Nghị định số 63/2015/NĐ - CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ - CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Các văn bản chỉ đạo cổ phần hóa

- Văn bản số 1604/TTg-ĐMDN ngày 08/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc BQP;

- Quyết định 3036/QĐ-BQP ngày 28/08/2011 về việc thành lập TCT36, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con trên cơ sở tổ chức lại Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây lắp và Thương mại 36;

- Quyết định số 916/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 25/03/2014 về việc cổ phần hóa TCT 36 thuộc BQP;

- Quyết định số 917/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng ngày 25/03/2014 về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - TCT 36;

- Quyết định số 398/QĐ-BCĐ ngày 01 tháng 04 năm 2014 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa TCT36 về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa TCT36.

- Hợp đồng dịch vụ Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp số 34/XĐGTDN ngày 24 tháng 07 năm 2014 giữa TCT36 và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC về việc Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 30/9/2014.

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Tổng Công ty 36 tại thời điểm 30/09/2014 được lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán AASC;

- Quyết định số 5464/QĐ-BQP ngày 19/12/2015 của Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp TCT 36 để chuyển đổi thành công ty cổ phần.

3. Mục tiêu cổ phần hóa

- Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty mẹ - TCT 36 gồm:

- Chuyển hình thức từ DNNN thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần.

- Huy động vốn nhàn rỗi của cán bộ công nhân viên trong đơn vị, các cá nhân, tổ chức kinh tế để đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai với phương châm: "Duy trì các mặt hoạt động truyền thống, Phát triển bền vững, tăng thu nhập".

- Tạo ra cơ chế quản lý mới, hiệu quả và năng động, đáp ứng kịp nhu cầu của thị trường; nâng cao khả năng cạnh tranh của Tổng Công ty trên thị trường trong bối cảnh hội nhập.

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

4. Yêu cầu cổ phần hoá

- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Tổng Công ty sau cổ phần hoá;

- Đảm bảo ổn định, không gây ra biến động lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Đảm bảo sự hài hoà lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, các cổ đông và người lao động;

-Thực hiện công khai minh bạch nguyên tắc thị trường.

5. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

Tổng Công ty 36 luôn nhận được sự được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của Bộ Quốc phòng nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho TCT trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;

Cơ cấu tổ chức hiện tại của TCT36 tương đối phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh dưới mô hình công ty cổ phần;

Lãnh đạo TCT đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho CBCNV đã được thực hiện;

Toàn thể cán bộ công nhân viên của TCT từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện sự đồng thuận trong việc cổ phần hoá TCT, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

6. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ vào Quyết định số 5464/QĐ-BQP ngày 19/12/2015 của Bộ Quốc phòngvề việc phê duyệt giá trị thực tế của Công ty mẹ - TCT 36 để cổ phần hóa (thời điểm ngày 30/9/2014) như sau:

-Tổng giá trị thực tế tại doanh nghiệp: 3.526.764.163.316 đồng (*Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm hai mươi sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi tư triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm mười sáu đồng)*

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 329.381.824.808 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi chín tỷ, ba trăm tám mốt triệu, tám trăm hai tư nghìn, tám trăm lẻ tám đồng).*

- Giá trị quyền sử dụng đất: TCT chọn hình thức thuê đất của Nhà nước và Bộ Quốc phòng, trả tiền thuê đất hàng năm nên không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.

- Giá trị Tài sản cố định chờ thanh lý không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị sổ sách) là: 0 đồng.

- Giá trị khoản công nợ không có khả năng thu hồi không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (theo giá trị sổ sách): 53.945.948.423 đồng.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Theo điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần

Căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế của TCT 36, Tổng Công ty lựa chọn hình thức ***"kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ".***

2. Thông tin doanh nghiệp cổ phần

2.1. Tên gọi, địa chỉ của Công ty Cổ phần

- Tên gọi đầy đủ bằng tiếng việt:	**TỔNG CÔNG TY 36**
- Loại hình doanh nghiệp	Công ty cổ phần
- Tên giao dịch bằng tiếng anh:	36 CORPORATION
- Tên viết tắt:	TCT 36
- Mã số thuế:	0105454762

2.2. Biểu tượng (Lô go):của Tổng Công ty

2.3. Trụ sở chính: 141- Hồ Đắc Di, Nam Đồng - Đống Đa- Hà Nội

- Điện thoại: 04 35332471 Fax: 04 35332472
- Webstite www.tongcongty36.com
- Email: Tongcongty36@tongcongty36.com

3. Nhiệm vụ quân sự

- Huấn luyện dự bị động viên,
- Cứu hộ, cứu nạn khắc phục sự cố thiên tai

4. Nhiệm vụ SXKD (ngành nghề kinh doanh)

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: - Thiết kế kiến trúc công trình;Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;Thiết kế kết cấu công trình giao thông - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp - Lập các dự án đầu tư xây dựng và triển khai thực hiện các dự án trung tâm thương mại, cao ốc và văn phòng dịch vụ cho thuê; - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, trạm thu phí giao thông; - Tư vấn quản lý dự án công trình; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu: gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hoá (không gồm tư vấn giá gói thầu, giá hợp đồng xây dựng)	7110
2	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại - Sản xuất cơ khí	2511
4	Sửa chữa thiết bị điện	3314
5	Sửa chữa máy móc, thiết bị .Sửa chữa thiết bị và các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất và tiêu dùng, vận tải phục vụ xây dựng	3312
6	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao - Sản xuất các loại bê tông thương phẩm	2395
7	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
8	Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao - Sản xuất các sản phẩm khác phục vụ xây dựng	2394
9	Lắp đặt hệ thống điện: - Lắp đặt thiết bị cơ, điện; lắp đặt dây dẫn và thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (bao gồm cả cáp quang học), hệ thống máy báo động chống trộm, đèn trên đường băng sân bay.	4321
10	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí - Lắp đặt thiết bị nước công trình	4322
11	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác -Trang trí nội ngoại thất; Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong	4329

	ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng.	
12	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
13	Lắp đặt thiết bị máy móc và thiết bị công nghiệp - Lắp đặt máy móc thiết bị.	3320
14	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Kinh doanh các thiết bị máy móc; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); máy móc, thiết bị y tế; thiết bị và dụng cụ đo lường; dây điện công tắc và thiết bị khác cho mục đích công nghiệp; máy móc thiết bị điện, vật liệu điện, (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác trong mạch điện); máy móc thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;	4659
15	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị xây dựng, phế liệu, hàng thanh sử lý; - Bán buôn vật liệu, thiết bị phòng cháy chữa cháy; - Kinh doanh các dịch vụ về sản phẩm bê tông tươi	4663
16	Xây dựng nhà các loại - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp thoát nước, các công trình công cộng, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;	4100
17	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ - Xây dựng các công trình giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thủy, cầu đường bộ, cầu đường sắt, công trình ngầm, hầm, sân bay, nhà ga, bến cảng, hệ thống thông tin tín hiệu; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành công trình giao thông;	4210
18	Xây dựng công trình công ích - Xây dựng các công trình thủy lợi: hồ chứa nước, đê, đập, hệ thống tưới tiêu thủy nông;	4220
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, đường dây tải điện, trạm biến thế, hệ thống chiếu sáng giao thông và đô thị. - Duy tu sửa chữa công trình cầu, đường bộ và kết cấu hạ tầng	4290
20	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác - Trùng tu tôn tạo di tích lịch sử văn hóa. - Dịch vụ phòng chống mối mọt trong công trình xây dựng	4390
21	Cho thuê xe có động cơ	7710
22	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Cho thuê thiết bị xây dựng hoặc thiết bị phá dỡ có kèm người điều khiển.	7730
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe thùng, container siêu trường, siêu trọng, xe kéo rơ moóc;	4933
24	Khai thác gỗ	0221
25	Khai thác lâm sản trừ gỗ	0222
26	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	2240

	- Kinh doanh, khai thác gỗ, chế biến gỗ, các sản phẩm gỗ và lâm sản khác (Trừ loại gỗ Nhà nước cấm)	
27	Phá dỡ - Phá dỡ các công trình cũ.	4311
28	Chuẩn bị mặt bằng -Khảo sát, dò tìm; xử lý bom, mìn vật nổ (hoạt động theo Giấy phép số của Bộ Quốc phòng)	4312
29	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
30	Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Sàn giao dịch bất động sản; Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và kinh doanh nhà đất	6820
31	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; khai thác khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);	0810
32	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công trình, các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
33	Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải - Chi tiết Vận tải khai thác chuyển giao công trình, trạm thu phí giao thông	5229
34	(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đáp ứng đủ yêu cầu và điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật	*Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*

III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY CP

1. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của TCT 36 sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần sẽ được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp do ĐHĐCĐ thông qua gồm có:

*** Cơ quan Tổng Công ty**

a) Đại hội đồng cổ đông;

b) Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

c) Ban kiểm soát: 03 thành viên;

d)Tổng Giám đốc: 01;

đ) Các Phó Tổng Giám đốc: 06;

* Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ; chức năng nhiệm vụ tổng thể của các thành phần trong cơ cấu như sau:

- Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của TCT, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của TCT được Luật pháp quy định và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng Quản trị: là cơ quan quản lý TCT, có nhiệm vụ nhân danh TCT để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của TCT trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (hoặc Tổng Giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Ban Kiểm soát: do ĐHĐCĐ bầu, có nhiệm vụ, kiểm tra giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính của TCT, việc chấp hành Điều lệ TCT, nghị quyết, quyết định của HĐQT và thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của Luật doanh nghiệp. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

- Tổng Giám đốc: là người điều hành hoạt động hàng ngày của TCT theo mục tiêu, kế hoạch, phù hợp với Điều lệ TCT và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

- Phó Tổng Giám đốc: giúp Tổng Giám đốc điều hành TCT theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

* Các Phòng (ban) chuyên môn nghiệp vụ: có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của TCT, bao gồm:

- Văn phòng, Phòng kế hoạch tổng hợp, Phòng Dự án đấu thầu, Phòng Tổ chức lao động, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Chính trị, Phòng Thiết bị vật tư, Phòng đầu tư.

*** Đơn vị quân sự**:

- Lữ đoàn Công binh công trình dự bị động viên 136
- Tiểu đoàn Công binh kiêm nhiệm 55

*** Công ty con:**

- Công ty TNHH một thành viên BOT 36.71

*** Công ty liên kết:**

- Công ty Cổ phần 36.55 nhà nước nắm giữ cổ phần chiếm 30% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH hai thành viên (Công ty TNHH BOT- Quốc lộ 6- Hoà Lạc – Hoà Bình

*** Các đơn vị phụ thuộc (Công ty - chi nhánh)**

1.Công ty 36.30 (Chi nhánh Tổng Công ty 36)	7. Công ty 36.66 (Chi nhánh Tổng Công ty 36)	13. Chi nhánh Lào
2.Công ty 36.32(Chi nhánh Tổng Công ty 36)	8. Công ty 36.67 (Chi nhánh Tổng Công ty 36)	14.Trung tâm bom mìn 20
3.Công ty 36. 62(Chi nhánh Tổng Công ty 36)	9. Công ty 36.68 (Chi nhánh Tổng Công ty 36)	15. Ban quản lý Dự án Bất động sản
4.Công ty 36.63 (Chi nhánh Tổng Công ty 36)	10. Công ty TVTK 36.69 (Chi nhánh Tổng Công ty 36)	16. Điều hành DA 36.25
5.Công ty 36.64 (Chi nhánh Tổng Công ty 36)	11. Công ty 36.72 (Chi nhánh Tổng Công ty 36)	
6.Công ty 36.65 (Chi nhánh Tổng Công ty 36)	12.Công ty36.97 (Chi nhánh Tổng Công ty 36)	

2. Các tổ chức đoàn thể gồm:

a) Đảng bộ Tổng Công ty: Tổ chức Đảng là Đảng bộ trên cơ sở 3 cấp, trực thuộc Đảng bộ Quân ủy TW, hoạt động theo điều lệ Đảng cộng sản việt nam, chức năng nhiệm vụ do Ban bí thư quy định. Đảng bộ TCT 36 được thành lập từ tháng 9/2011. Đến thời điểm lập phương án cổ phần hóa, Đảng bộ TCT có tất cả 577 đảng viên với 28 chi bộ trực thuộc (trong đó có 69 đảng viên nữ, 26 đảng viên dự bị).

b) Đoàn thanh niên TCT: Đoàn cơ sở, Hội phụ nữ cơ sở, Công đoàn cơ sở đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ TCT, hoạt động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ của mỗ tổ chức được quy định theo điều lệ. Đến thời điểm lập Phương án Cổ phần hóa có tất cả 486 đoàn viên (trong đó có 161 Đảng viên và 77 đoàn viên nữ).

c) Công đoàn của TCT: đến thời điểm lập Phương án cổ phần hóa có tất cả 1.441 đoàn viên.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Công ty:

a) Quyền hạn của Tổng Công ty

- Tổng Công ty có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh.
- Tổng Công ty có các quyền về quản lý tài chính.

b) Nghĩa vụ của Tổng Công ty

- Được tiếp tục kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty mẹ chuyển sang.
- Sử dụng số cán bộ và người lao động của Công ty mẹ chuyển sang và thực hiện chế độ chính sách và mọi quyền lợi theo quy định hiện hành.
- Thực hiện các nhiệm vụ quân sự do Bộ Quốc phòng giao (đối với các đơn vị quân sự hiện có).
- Quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần và quy định của pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

1.1 Cơ sở xây dựng vốn điều lệ

Căn cứ theo tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp; Quyết định số 5464/QĐ-BQP ngày 19/12 /2014 của Bộ Quốc phòng thì:

- Tổng giá trị thực tế tại doanh nghiệp: 3.526.764.163.316 đồng *(Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm hai mươi sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi tư triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm mười sáu đồng)*
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 329.381.824.808 đồng. *(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi chín tỷ, ba trăm tám mốt triệu, tám trăm hai tư nghìn, tám trăm lẻ tám đồng).*
- Căn cứ tình hình thị trường vốn hiện nay, khả năng sinh lời từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm tới. Thị trường vốn Việt Nam lệ thuộc lớn vào chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia, khi kinh tế vĩ mô bất ổn, lạm phát tăng cao, chính sách tài chính - tiền tệ điều hành theo hướng thắt chặt để đạt mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định vĩ mô nên mặt bất lợi của chính sách thắt chặt đã tác động tiêu cực đến thị trường vốn. Có thể thấy rõ sự biến động thất thường của thị trường chứng khoán cũng

như thị trường vốn hiện nay, quy mô thị trường cổ phiếu nhỏ dẫn đến khả năng huy động vốn không cao, tiềm ẩn những rủi ro ngắn hạn, tính thanh khoản thấp.

- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh cho các Dự án BOT và nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, để thực hiện sản xuất kinh doanh bình thường đồng thời đảm bảo được quyền lợi của các cổ đông, cũng như quản lý, phát triển được nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần, TCT đề xuất Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần được cơ cấu như sau:

- Vốn điều lệ: 430.000.000.000 đồng.
- Tổng số cổ phần phát hành: 43.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

1.2. Cơ cấu vốn điều lệ và tỷ lệ cổ phần của các Cổ đông

- Căn cứ tình hình thực tế SXKD trong những năm qua và những năm tiếp theo, TCT 36 dự kiến cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển sang hoạt động mô hình Công ty Cổ phần như sau:

STT	Đối tượng	Tỷ lệ nắm giữ CP (%)	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)
1	**Vốn điều lệ**		**43.000.000**	**430.000.000.000**
2	**Cổ phần Nhà nước nắm giữ**	**40%**	**17.200.000**	**172.000.000.000**
3	**Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp**	**7,79%**	**3.347.800**	**33.478.000.000**
3.1	*Bán giá ưu đãi theo số năm công tác với giá = 60% giá đấu thành công thấp nhất*	*2,36%*	*1.016.900*	*10.169.000.000*
3.2	*Bán ưu đãi cho người lao động theo số năm cam kết làm việc*	*5,43%*	*2.330.900*	*23.309.000.000*
4	**Bán ra bên ngoài**	**52,21**	**22.452.200**	**224.522.000.000**
4.1	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	42,21%	18.152.200	181.522.000.000
4.2	Cổ phần bán đấu giá công khai (IPO)	10,00%	4.300.000	43.000.000.000
	Tổng cộng	**100%**	**43.000.000**	**430.000.000.000**

2. Cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty mẹ - TCT 36 tại thời điểm chuyển đổi là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần và và các văn bản pháp luật khác có liên quan

3. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

3.1. Đối tượng mua cổ phần

Theo Điều 6 và Điều 48 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và chủ trương của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Cán bộ công nhân viên (CBCNV) của Công ty mẹ - TCT36 (người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ, (các Công ty - chi nhánh, các Ban điều hành) có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp;

- Các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài;

- Các nhà đầu tư chiến lược (NĐTCL): bao gồm các tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài có năng lực tài chính, có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài, hỗ trợ TCT sau cổ phần hóa và thực hiện các quy định của pháp luật Việt nam.

3.2. Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV

Cổ phần bán ưu đãi bán cho CBCNV theo danh sách đã được Đại hội CNVC (Hội nghị người lao động) bất thường thông qua.

a) Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc: theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP được tính tối đa **100** cổ phần cho 1 năm làm việc trong khu vực Nhà nước bằng 60% giá bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

- Tổng số người lao động của Công ty mẹ tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: 1.429 người

- Tổng số người lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi với giá bằng 60% giá thỏa thuận/giá bán thành công thấp nhất là 1.087 người.

- Tổng số năm công tác của toàn bộ người lao động được mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước là: 10.169 năm

- Tổng số cổ phần CBCNV đăng ký mua cổ phần ưu đãi: 1.016.900 cổ phần tương ứng tổng mệnh giá là 10.169.000.000 đồng chiếm 2,36 % vốn điều lệ.

(Danh sách người lao động đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi tại thời điểm công ty chuyển sang Công ty cổ phần xem chi tiết tại phụ lục kèm theo)

b) Cổ phần người lao động mua theo hình thức đăng ký cam kết làm việc lâu dài: theo Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, theo giá bán đấu giá công khai (trường hợp đấu giá công khai trước); hoặc theo giá bán thỏa thuận bán cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)".

Chú ý "Mỗi người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần ưu đãi theo một mức xác định tại Điểm a Khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP". Cụ thể:

- Mua thêm 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp cổ phần nhưng không quá 2.000 cổ phần/01 người lao động.

- Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động.

- Đến ngày 31/12/2015 tổng số cổ phần của CBNV đã đăng ký mua theo tiêu chí được Hội nghị người lao động bất thường của Tổng Công ty nhất trí

- Số người đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi theo tiêu chí 200 CP/1 năm cam kết làm việc và đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi theo tiêu chí 500 CP/1 năm cam kết làm việc có 1.044 người. (đăng ký cổ phần ưu đãi mua thêm theo cam kết) là: 2.330.900 CP có tổng mệnh giá là: 23.093.000.000 đồng chiếm 5,42 % Vốn điều lệ;

3.3. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

a) Quy mô chào bán

- Số lượng Cổ phần bán cho NĐTCL là 18.152.200 cổ phần với tổng giá trị là 181.522.000.000 đồng, chiếm 42,21 % vốn điều lệ.

b) Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược (NĐTCL)

- Có năng lực tài chính, có vốn điều lệ lớn hơn số cổ phần NĐTCL đăng ký và đủ nguồn vốn góp; gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường.

- Có cùng ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh của TCT;

- Có kinh nghiệm trong điều hành dự án; doanh nghiệp không vi phạm pháp luật;

- Liên kết đầu tư, phát triển sản xuất và thương mại dịch vụ theo chiến lược phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Có cam kết bằng văn bản không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu là năm (5) năm tính từ ngày khi công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp và không thực hiện giao dịch với doanh nghiệp khác cùng ngành nghề với công ty cổ phần dẫn đến xung đột về lợi ích và tạo ra sự độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, đối tác của công ty cổ phần. Trên cơ sở các tiêu chí trên, TCT 36 lựa chọn NĐTCL dưới đây:

*** Cổ đông thứ nhất: Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Trường Lộc**

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 33, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.38581154 Fax: 04. 35593292

Giấy đăng ký doanh nghiệp: 0101396301

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290):Xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình giao thông và hạ tầng cơ sở; Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, công trình ngầm; bến cảng, cầu cảng, cầu đường....

- Kinh doanh thiết bị.

Số lượng cổ phần 14.152.200 cổ phần, giá trị 141.522.000.000 đồng

*** Cổ đông thứ 2: Công ty Cổ phần vận tải và Thương mại Anh Quân**

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 038 384 5312 Fax: 038 353 9004

Giấy đăng ký doanh nghiệp: 2900 547 448

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Xây dựng nhà các loại (4100); vận tải hàng hoá bằng đường bộ (4933); Hoạt động tư vấn quản lý (7020); hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (4390); xây dựng công trình dân dụng khác (4290); lắp đặt hệ thống điện (4321)...

Số lượng cổ phần 4.000.000 cổ phần, giá trị 40.000.000.000 đồng

Hồ sơ nhà đầu tư chiến lược

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao hợp lệ).

- Bản cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Tổng Công ty 36 và hỗ trợ Tổng Công ty 36 sau cổ phần hóa.

- Hồ sơ năng lực của tổ chức: Báo cáo tài chính năm 2011, 2012 và 2013.

4. Thời điểm bán đấu giá cổ phần cho NĐTCL

Căn cứ Điều 6 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần. *TCT36 lựa chọn phương thức thoả thuận trực tiếp bán cho nhà Đầu tư chiến lược trước khi thực hiện đấu giá.* Giá bán cho NĐTCL là giá bán do Ban chỉ đạo cổ phần hoá thoả thuận nhưng không thấp hơn giá khởi điểm.

5. Cổ phần bán đấu giá (IPO) ra bên ngoài

Tổng số cổ phần thực hiện bán đấu giá ra bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá 4.300.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài, chiếm 10 % vốn điều lệ công ty cổ phần.

- Giá khởi điểm dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần

- Thời gian bán đấu giá: Sau khi được Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án cổ phần hóa.

- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư là tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

V. PHƯƠNG THỨC BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU VÀ CƠ QUAN BÁN CỔ PHẦN

Quá trình thực hiện đấu giá cổ phần phải được tuân thủ chặt chẽ các quy chế và yêu cầu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá ban hành. Việc chào bán cổ phần ra ngoài công chúng sẽ được tiến hành theo hình thức đấu giá công khai thông qua tài Sở Giao dịch chứng khoán.

1. Xác định giá khởi điểm

- Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, tình hình thị trường chứng khoán và tình hình kinh tế Việt Nam nói chung và ngành xây dựng nói riêng;

- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của TCT36 trước và dự kiến sau khi cổ phần hóa, những khó khăn, hạn chế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT, các tồn tại về tài chính chưa xử lý tại thời điểm Tổng Công ty thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp.

Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hoá, giá khởi điểm đề xuất là 10.000 đồng

2. Thời gian bán cổ phần

Sau khi phê duyệt Phương án CPH, TCT báo cáo Ban chỉ đạo CPH cùng với doanh nghiệp tiến hành thoả thuận với các nhà NĐTCL về số cổ phần được mua, giá bán cổ phần, đồng thời báo cáo Ban chỉ đạo phê duyệt, doanh nghiệp ký hợp đồng mua bán với NĐTCL đồng thời triển khai kế hoạch bán đấu giá ra bên ngoài.

3. Cơ quan Tư vấn bán cổ phần

Theo quy định tại Điều 7 Thông tư 196/2011/TT-BTC, toàn bộ cổ phần bán đấu giá 4.300.000 cổ phần của TCT được tổ chức bán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Cơ quan tư vấn bán đấu giá cổ phần là: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBankSc)

4. Xử lý cổ phần không bán hết

Trường hợp không bán hết số lượng cổ phần bán ra ngoài lần đầu theo cơ cấu vốn điều lệ trong phương án, TCT đề nghị Ban chỉ đạo CPH /BQP cho phép TCT thoả thuận với NĐTCL để bán hết số lượng còn lại

5. Đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán

Sau khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp), TCT hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng theo Điều 14 Quyết định 51/2014/QĐTTg ngày 15/9/2014 của Chính phủ.

6. Chi phí cổ phần hóa

Căn cứ vào Công văn số 879/CV-TCT36 ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Tổng Công ty 36 báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hoá Bộ Quốc phòng phê về dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty 36 và thực tế giá trị tài sản của Tổng Công ty đến ngày 30/9/2014 là **3.526.764.163.316** đồng.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung chi phí	Số tiền
I.Các khoản chi trực tiếp tại doanh nghiệp	**345.000.000**
1. Tập huấn, tuyên truyền công tác CPH	35.000.000
2. Đơn vị kiểm kê xác định giá trị doanh nghiệp	60.000.000
3. Hội nghị người lao động thông qua PACPH	50.000.000
4. Phục vụ bán cổ phần	60.000.000
5. Đại hội cổ đông lần thứ nhất	95.000.000
6. Bố cáo và đăng báo bán cổ phần	45.000.000
II. Chi phí thuê tổ chức tư vấn, kiểm toán	**978.760.000**
1. Xác định giá trị doanh nghiệp	804.760.000
2. Tư vấn hồ sơ bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài	45.000.000
3. Dự kiến phí bán đấu giá ra ngoài (IPO)	129.000.000
III. Thù lao Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc	**320.000.000**
a) Thù lao Ban chỉ đạo	200.000.000
b) Thù lao Tổ giúp việc	120.000.000
IV. Chi phí dự phòng	**100.000.000**
V. Tổng chi phí	**1.743.760.000**

7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần

- Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ bán cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 điều 11 mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

- Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Tổng Công ty 36, Tổng công ty **dự kiến** kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính ***giả sử tất cả số cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm là 10.000 đồng/CP***, chi tiết như sau:

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước	Ghi chú	Số tiền
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(1)	430.000.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(2)	329.381.824.808
3	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN (5) = (1) -(2)	(3)=(1)-(2)	100.618.175.192
4	Giá trị mệnh giá Nhà nước nắm giữ	(4)	172.000.000.000
5	Giá trị phần vốn Nhà nước cần được hoàn về	(5) = (2)-(4)	157.381.824.808
6	Tiền thu từ cổ phần hoá	(6)=(6.1)+(6.2)+(6.3)+(6.4)	253.932.400.000
6.1	*Thu từ bán cổ phần cho CBCNV Theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước (60%*10.000 đ/cp)*	*(6.1)*	*6.101.400.000*
6.2	*Thu từ bán cổ phần cho CBCNV Theo cam kết năm làm việc)*	*(6.2)*	*23.309.000.000*
6.3	*Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược*	*(6.3)*	*181.522.000.000*
6.4	*Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài*	*(6.4)*	*43.000.000.000*
7	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, bán đấu giá ra bên ngoài, bán cho cổ đông chiến lược	(7)	258.000.000.000
8	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(8)	**1.743.760.000**
9	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/ Vốn điều lệ	(9)	-
10	Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư	(10)	**371.237.250**
11	**Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách**	**(13)=(5)-(7)+(6)-(8)-(9)-(10)**	**151.199.227.558**

Ghi chú:

Tính toán trên dựa trên các giả định là:

- Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa

- Các đối tượng được chào mua cổ phần mua hết số lượng cổ phần được chào mua.

- Giá đấu thành công thấp nhất tạm thời tính bằng giá khởi điểm dự kiến là **10.000 đồng/cổ phần.**

VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Để nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang công ty cổ phần; Căn cứ vào hiện trạng và nhu cầu sử dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty sau khi chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, phù hợp với các quy định của Pháp luật về lao động, Công ty dự kiến phương án sử dụng lao động như sau:

1. Phân loại lao động

TT	Nội Dung	Tổng số	Trong đó nữ	Ghi chú
I	**Tổng số lao độngtại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp**	**1.429**	**237**	
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng	660	109	
	a) Sỹ quan	128	7	
	b) Quân nhân chuyên nghiệp (QNCN)	299	52	
	c) Công nhân quốc phòng	233	50	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	769	128	
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến dưới 36 tháng			
II	**Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp**	**118**	**11**	
1	Sĩ quan, QNCN nghỉ hưu theo nghị định số 68/2007/NĐ-CP	85	8	
2	Sĩ quan, QNCN phục viên theo nghị định 21/2009/NĐ-CP	14	1	
3	**Số lao động dôi dư theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP**	**19**	**2**	
	a) Tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998 (biểu 4)	4		
	b) Tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21/4/1998 hoặc từ ngày 26/4/2002 trở về sau (biểu 5)	15	2	
III	**Tổng số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần**	**1.311**	**226**	
1	Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	328	50	
2	Công nhân viên quốc phòng (sau chuyển sang HĐLĐ)	220	50	
3	Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	763	126	

2. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty Cổ phần

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Trong đó nữ
*** Theo trình độ lao động**	**1.311**	**100**	**226**
- Trên đại học	17	1,3	5
- Kỹ sư	437	33,3	33
- Cử nhân kinh tế	160	12,2	104
- Cử nhân chính trị (khác)	35	2,7	12
- Cao đẳng	95	7,2	27
- Trung cấp các loại	141	10,8	39
- Sơ cấp công nhân kỹ thuật	426	32,5	6
*** Phân theo lao động**	**1.311**	**100**	**226**
- Sĩ quan, QNCN,	328	25,0	51
- Công nhân viên quốc phòng	212	16,2	49
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	771	58.8	126
- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng			

3. Chính sách đối với người lao động khi làm việc ở Công ty Cổ phần:

Các chính sách về lao động của TCT trong giai đoạn 2016 - 2018 có những điểm chính sau:

- Tổng Công ty đang thực hiện xây dựng thang, bảng lương theo Nghị định số 49/2013/ NĐ - CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ; từ nay đến khi đăng ký kinh doanh theo pháp nhân công ty cổ phần, TCT tạm thời thực hiện thang bảng lương theo Nghị định 25/2004 của Chính phủ và quy chế trả lương doanh nghiệp. Sau khi đăng ký doanh nghiệp theo pháp nhân công ty cổ phần thì áp dụng thang, bảng lương công ty cổ phần do TCT tự xây dựng.

- Việc trả lương thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty mẹ theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.

- Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước.

- Về tiền thưởng: theo quy quy chế của Công ty mẹ.

- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty mẹ sẽ do HĐQT của Công ty mẹ quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Tổng Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.

- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của TCT sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của CBVNV.

- Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động và các chính sách của TCT.

4. Chính sách giải quyết lao động dôi dư:

Tổng Công ty thực hiện theo Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 về việc Quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ; Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 về việc Quy định chính sách đối với lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - TCT 36 có 1.429 người (mẫu 01); trong đó: sĩ quan, QNCN 427; CNVQP 233 người; Lao động hợp đồng 769 người.

- Người lao động có nhu cầu sử dụng là:1.311 người (mẫu số 02);

- Lao động nghỉ việc và chấm dứt HĐLĐ là 118 người lao động (mẫu số 03);

- Người lao dôi dư: 04 người với số tiền chi trả là: **371.237.250 đồng.**

5. Chính sách đối với công nhân viên quốc phòng (CNQP)

Trong số danh sách lao động có nhu cầu sử dụng làm việc tại công ty cổ phần có 220 CNVQP; khi bàn giao doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần, TCT giải quyết cho số CNQP này thôi việc theo Điều 48 Luật Lao động, quyền

lợi cứ một năm công tác (đủ 12 tháng) được trợ cấp ½ tháng lương và chuyển sang ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, tiếp tục làm việc tại Tổng công ty cổ phần. Tổng số có 392 năm công tác với số tiền dự kiến là: 2.138.298.875 đồng

6. Chính sách đối với Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp

Tại thời điểm Công bố giá trị doanh nghiệp, có 422 sĩ quan, quân nhân,

Tại thời điểm Công bố giá trị doanh nghiệp, có 328 sĩ quan, quân nhân,

a) Sĩ quan, QNCN đủ tuổi về hưu theo Nghị định 68/2007/NĐ-CP ngày 19/4/2007 là 85 người

b) Sĩ quan, QNCN không có nhu cầu sử dụng thôi phục vụ tại ngũ, giải quyết phục viên theo chính sách hiện hành 14 người

c) Kinh phí:

- Số tiền chi trả sĩ quan, QNCN nghỉ hưu trong thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 83 người, số tiền là 1.862.314.600 đồng;
- Số tiền trợ cấp một lần khi nghỉ hưu: 0 đồng;
- Số tiền chi trả cho sĩ quan, QNCN phục viên 18 người, số tiền là 1.236.190.775 đồng;

Tổng số tiền là **5.236.804.250** đồng, nguồn kinh phí này do ngân sách nhà nước (Bộ quốc phòng) chi trả.

VII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT KHI CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

Tổng Công ty thực hiện hình thức thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm theo khoản 2, Điều 5 Thông tư số 56/2013/TT-BQP ngày 02/5/2013 của Bộ Quốc phòng và UBND tỉnh Nghệ An.

STT	Tên khu nhà, đất	Diện Tích (m^2)	Phương án sử dụng đất
1	Lô đất tại 141 Hồ Đắc Di, Phường Nam đồng – Đống Đa – Hà Nội	1.399,3	Thuê đất trả tiền hàng năm
2	Lô đất tại số 1075 Đường giải phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mại – Hà Nội	3.016,4	Thuê đất trả tiền hàng năm
3	Lô đất Xã Tây Tựu, Quận Từ Liêm – Hà Nội	4.588	Thuê đất trả tiền hàng năm
5	Lô đất tại Xã Hồng Vân, Huyện Thường Tín – Hà Nội	11.199	Thuê đất trả tiền hàng năm
6	Lô đất trụ sở công ty 36.63 tại phường Hà Huy Tập Thành phố vinh. Đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	1.558	Thuê đất trả tiền hàng năm

VIII. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Đánh giá một số mặt thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến SXKD của Tổng Công ty

a)Thuận lợi

- Tổng Công ty nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện và ý kiến chỉ đạo từ lãnh đạo bộ và các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng.

- Tập thể CBCNV Tổng Công ty luôn đoàn kết nhất trí, đồng thuận, gắn bó với nghề nghiệp, có kinh nghiệm trong công tác, được trải nghiệm qua thực tế nhiều năm qua, phát huy được truyền thống đơn vị anh hùng lao động.

- Chủ động đi đầu trong việc cổ phần hóa Tổng Công ty và cũng nằm trong chủ trương của Nhà nước về tái cấu trúc doanh nghiệp. Trước tình hình kinh tế xã hội đang có nhiều khó khăn, kinh tế suy thoái, kế hoạch cổ phần hóa của Tổng Công ty xuất phát từ nhu cầu tự thân, thay đổi để chủ động trong kinh doanh, phát huy hơn hiệu quả SXKD.

- Nhận thức được sau khi cổ phần hóa áp lực cạnh tranh sẽ cao hơn, nhưng cũng là động lực để Tổng Công ty sẽ chủ động quyết liệt hơn trong định hướng chiến lược phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và huy động các nguồn lực theo quy định của pháp luật, nâng cao tính tự chủ của người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Sau khi cổ phần hóa, Tổng Công ty có điều kiện để huy động tối đa mọi nguồn lực, vật chất, trí tuệ của các cổ đông, linh hoạt và tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý, phân phối thu nhập ở Công ty Cổ phần được đổi mới sẽ tạo động lực thúc đẩy CBCNV nỗ lực lao động sản xuất, mang lại hiệu quả cao cho TCT.

b) Khó khăn

-Tình hình kinh tế: Nền kinh tế thế giới dự báo sẽ có phục hồi nhưng rất chậm, bên cạnh đó còn tồn tại nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc. Tăng trưởng kinh tế Việt nam được dự báo có sự phục hồi nhưng chưa bền vững.

- Vốn: Tổng Công ty chú trọng mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhưng TCT gặp rất nhiều khó khăn, Các chủ đầu tư chậm trả, trong đó vốn lưu động hạn chế, TCT lệ thuộc hoàn toàn vào vốn vay.

- Giá vật tư, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất có xu hướng tăng dẫn tới giá thành ngày càng tăng cao làm giảm hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty.

- Hoạt động của Công ty cổ phần sẽ chịu nhiều áp lực đó là lợi ích của cổ đông nên yêu cầu đặt ra đối với TCT là bằng mọi cách phải sử dụng thật hợp lý và hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho SXKD của TCT.

2. Các dự án tiếp theo sau cổ phần hóa

- Tiếp tục thi công các dự án dở dang của năm 2015 chuyển sang là 45;
- Một số dự án dự kiến triển khai 2016 và 2017 là 22;

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

3. Định hướng và chiến lược phát triển

3.1. Định hướng:

- Sau Cổ phần hóa tiếp tục xây dựng phát triển Tổng Công ty thành Tổng Công ty xây lắp chuyên ngành, trở thành một Tổng Công ty hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng của Bộ Quốc phòng.

- Tập trung vào xây dựng đường giao thông cơ sở hạ tầng, thủy điện, thủy lợi, ... nhưng giá trị sản phẩm xây lắp vẫn giữ vai trò chủ đạo;

- Phát huy huy cao độ nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu Tổng Công ty ở trong nước và nước ngoài.

3.2. Chiến lược phát triển

a) Chiến lược về thị trường

- Xây dựng Thương hiệu Tổng Công ty 36 là một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực xây lắp, có khả năng, có khả năng đảm nhiệm và thi công trọn gói các dự án lớn.

- Tập trung phát triển thị trường xây lắp trong nước và từng bước mở rộng sang thị trường xây lắp của nước Lào và Căm phu chia.

- Đầu tư và hợp tác đầu tư phát triển sang các dự án BOT và sản xuất bê tông thương phẩm, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, đầu tư khai thác hạ tầng khu công nghiệp.

b) Chiến lược tổ chức và phát triển doanh nghiệp

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Tổng Công ty- CTCP, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ- công ty con có tính chuyên môn hoá cao trong lĩnh vực xây lắp truyền thống với trình độ quản lý tiên tiến, hiện đại so với các nước trong khu vực. Xây dựng và phát triển Tổng Công ty với mức tăng trưởng ổn định, bền vững và có tính cạnh tranh cao.

c) Chiến lược về đầu tư

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công theo hướng hiện đại, công nghệ mới và tiên tiến đáp ứng yêu cầu SXKD phát triển với tốc độ cao, đảm bảo thi công các công trình có yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và đáp ứng được tiến độ.

- Đầu tư và phát triển lĩnh vực sản xuất công nghiệp: khai thác đá, rà phá bom mìn

- Đầu tư và hợp tác đầu tư tài chính dưới hình thức đầu tư trực tiếp: tài chính - tín dụng, ngân hàng…

d) Chiến lược xây dựng, phát triển nguồn nhân lực:

- Đào tạo và đào tạo lại phát triển nguồn lực con người của Tổng Công ty mạnh về mọi mặt, đủ về số lượng với trình độ học vấn và tay nghề cao, phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến.

đ) Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính:

- Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính đủ mạnh đảm bảo vốn cho đầu tư và SXKD.

- Khai thác triệt để mọi tiềm năng về vốn, để phát triển Tổng Công ty, nâng cao tiềm lực và khả năng cạnh tranh ở trong nước.

e) Chiến lược ứng dụng tiến bộ về khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào công tác quản lý điều hành, thiết kế, thi công:

- Xây dựng, áp dụng các loại hình quản lý, điều hành phù hợp với trình độ của các nước trong khu vực.

4. Mục tiêu phấn đấu

Với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh làm ăn có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động, trả cổ tức từ 10 % trở lên; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

a) Các chỉ tiêu chính:

- Doanh thu tăng ≥ 4-5 % so với năm trước.

- Thu nhập người lao động tăng từ 14 – 16 %, năm 2015 phấn đấu thu nhập từ 7 đến 8 triệu đồng/người/tháng.

- Trả cổ tức cho các cổ đông từ 9,3 - 10 % trở lên.

- Quan tâm đầu tư, mua sắm thiết bị đổi mới công nghệ hàng năm.

- Các chỉ tiêu tiến độ, chất lượng sản phẩm lên hàng đầu.

- Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng 100% yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ.

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Tổng Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong ba năm tiếp theo như sau:

b) Các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty mẹ từ năm 2016-2018

Đơn vị tính: nghìn đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	*2*	*3*	*4*	*5*
1	Vốn điều lệ	430.000.000	430.000.000	430.000.000
	Trong đó:			
	- Vốn Nhà nước	172.000.000	172.000.000	172.000.000
	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ	*40%*	*40%*	*40%*
	- Vốn cổ đông khác	258.000.000	258.000.000	258.000.000
	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ	*60%*	*60%*	*60%*
2	Giá trị sản xuất	3.650.000.000	3.800.000.000	4.000.000.000
3	Tổng doanh thu	3.225.454.545	3.360.923.636	3.539.052.589
4	Tổng chi phí	3.171.752.545	3.305.342.066	3.480.969.848
5	Lợi nhuận trước thuế	53.702.000	55.581.570	58.082.741
6	Tỷ suất lợi nhuận ST / VĐL	10,0%	10,3%	10,8%
7	Tỷ suất lợi nhuận ST/ doanh thu	1,33%	1,32%	1,31%
8	Lợi nhuận sau thuế và phân chia lợi nhuận sau thuế	42.961.600	44.465.256	46.466.193
9	Trích lập các quỹ	6.444.240	6.669.788	6.969.929
A	- Quỹ đầu tư phát triển 5%	*2.148.080*	*2.223.263*	*2.323.310*
B	- Quỹ dự phòng phải thu khó đòi 5%	*2.148.080*	*2.223.263*	*2.323.310*
C	- Quỹ khen thưởng phúc lợi 5%	*2.148.080*	*2.223.263*	*2.323.310*

D	Chia cổ tức	36.517.360	37.795.468	39.496.264
10	Tỷ lệ cổ tức/Vốn cổ phần (%)	8,5%	8,8%	9,2%
11	Tổng quỹ lương	678.525	730.535	782.669
12	Tổng số lao động bình quân	7.458	7.558	7.658
13	Thu nhập BQ 1 LĐ nghìn đồng/tháng	7.582	8.055	8.517

5. Các giải pháp thực hiện:

Để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Tổng Công ty đưa ra các giải pháp thực hiện sau:

a) Giải pháp về vốn:

Căn cứ vào kế hoạch SXKD của Tổng Công ty trên các lĩnh vực hoạt động để đưa ra các giải pháp về vốn như sau:

- Huy động vốn:

+ Phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

+ Vay vốn của các Ngân hàng.

+ Vay vốn của các tổ chức và cá nhân với mức lãi suất phù hợp.

- Quản lý vốn:

+ Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có.

+ Đầu tư vốn có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh vòng quay của đồng vốn.

+ Tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn đang bị chiếm dụng để giảm bớt các nguồn vốn vay: Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ dây dưa kéo dài. Có chế tài thích hợp để bộ phận thu hồi công nợ hoạt động có hiệu quả.

b) Giải pháp về tổ chức sản xuất, kinh doanh:

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất của Tổng Công ty -CTCP đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả; tính toán phương án sản xuất kinh doanh tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đảm bảo các sản phẩm, chất lượng công trình, tiến độ, hiệu quả đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư.

- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân.

- Ban lãnh đạo Tổng Công ty: Thực hiện các biện pháp quản lý vĩ mô, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ; Các phòng ban thực hiện các chức năng theo nhiệm vụ cụ thể đảm bảo cho bộ máy toàn Tổng Công ty hoạt động nhịp nhàng hiệu quả.

- Phát huy tính chủ động sáng tạo của cấp đội, Công trường trong điều hành sản xuất với sản xuất, an toàn và hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật, cải tiến qui trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

- Hàng năm, Tổng Công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CBCNV, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, công nhân chuyên ngành.

- Phát động phong trào thi đua thường xuyên, hàng quý, hàng tháng ở các giai đoạn cần thiết, thi đua hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.

- Mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh của TCT; Tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các chủ đầu tư với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp thị đấu thầu. Coi đây là yếu tố tạo ra nguồn lực có tính quyết định tới sự phát triển bền vững của Tổng Công ty.

c) Giải pháp về đầu tư tăng năng lực sản xuất

- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh để đầu tư cho phù hợp với ngành nghề của Tổng Công ty.

d) Giải pháp về doanh thu, chi phí:

- Mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh của TCT; Tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các đơn vị, các chủ đầu tư với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi, đôn đốc thu hồi công nợ; tập trung nguồn lực thi công các công trình dứt điểm không để chậm tiến độ, những công trình đã hoàn thành bàn giao phải nhanh chóng quyết toán nội bộ đồng thời bám chủ đầu tư để quyết toán công trình.

- Đầu tư thay thế máy móc trang thiết bị cũ và đổi mới máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí trực tiếp đến giá thành sản phẩm.

- Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật ở tất cả các khâu. Coi đây là biện pháp quan trọng nhất trong quản lý- Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện: Công tác chăm sóc bảo quản thiết bị, phương tiện được chú trọng thường xuyên, vận hành đúng quy trình kỹ thuật nhằm kéo dài tuổi thọ, giảm chi phí sửa chữa.

e) Giải pháp về tổ chức quản lý

- Sau khi cổ phần hóa, TCT sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình TCT- CTCP phần nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty mẹ trong những năm tiếp theo.

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.

- Thực hiện quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của TCT thông qua bộ máy điều hành tập trung và sử dụng có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý: GPS, Camera, ...

- Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán ...

f) Giải pháp về lao động tiền lương:

Trước mắt, rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia SXKD; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề TCT đang hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động

có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.

- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CB-CNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CB-CNV phát huy sáng tạo trong công việc. Thường xuyên, tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của CB-CNV trong TCT, thực hiện đúng cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể.

Về chính sách lao động lâu dài:

+ Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của TCT trong từng giai đoạn cụ thể.

+ Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

+ Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và gửi đi học các trường đào tạo nghề.

+ Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề.

Về chính sách tiền lương lâu dài:

+ Xây dựng thang bản lương của Công ty cổ phần theo đúng hướng dẫn của các cơ quan chuyên ngành

+ Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý.

+ Đối với lao động trực tiếp: Khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ đội sản xuất và người lao động.

+ Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người theo chức danh do TCT xây dựng.

+ Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho TCT.

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ tiền lương, tiền phép.

g) Giải pháp về tìm kiếm phát triển thị trường

Công tác tìm kiếm, phát triển thị trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tích cực tìm kiếm phát triển thị trường trong phạm vi cả nước, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng Quản trị và Giám đốc điều hành;

- Tranh thủ ủng hộ của các cơ quan chức năng của các Bộ ngành trong và ngoài quân đội. Giữ vững các mối quan hệ truyền thống và phát triển mới các thị trường, thị phần trong nước và ngoài nước.

- Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm.

h) Giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể:

- Thường vụ Đảng ủy Tổng Công ty thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ Đảng viên, người lao động thực hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Tăng cường giáo dục đội ngũ cán bộ CNV phát huy truyền thống đơn vị anh hùng lao động, phát triển và trưởng thành của TCT để đưa TCT ngày càng phát triển một cách vững chắc.

- Các Đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Tổng Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động sản xuất.

- Phát động các phong trào thi đua trên các công trường nhằm động viên các bộ phận đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động bằng cách thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào: Thể dục thể thao, văn hoá, văn nghệ ...

i) Giải pháp tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí:

Tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế xã hội Tổng Công ty đã đề ra:

- Tuyên truyền, giáo dục, học tập luật phòng chống tham nhũng, lãng phí theo đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, người lao động trong toàn TCT.

- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quá trình sản xuất, tiêu dùng.

- Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

- Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ Đảng viên theo đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương vv... và giám sát việc thực hiện các quy chế.

IV. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN

Công ty mẹ - TCT 36 đã xây dựng dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty 36 - công ty cổ phần gồm 12 chương và 59 điều theo quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, (thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu). Sau khi đăng ký kinh doanh, TCT36 –CTCP có đủ điều kiện sẽ thực hiện theo Điều 14 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

PHẦN III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

1.Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa:

a) Bán cổ phần: Thời gian thực hiện từ ngày sau 30 ngày kể từ ngày phương án được phê duyệt

Căn cứ văn bản chấp thuận của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Bộ Quốc phòng về việc lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành cổ phần lần đầu, Tổng Công ty sẽ tiến hành ký hợp đồng với đơn vị tư vấn và Sở giao dịch chứng khoán để tổ chức bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty cổ phần theo đúng quy định của nhà nước. trong đó:

- Thành lập Hội đồng đấu giá và ban hành quy chế bán đấu giá;

- Công bố Thông tin (ba ngày liên tiếp);

- Tổ chức bán đấu giá và báo cáo kết quả bán đấu giá:

+ Đối với Nhà đầu tư chiến lược, Ban chỉ đạo cổ phần hoá TCT 36 và doanh nghiệp ký hợp đồng bán trước cho NĐTCL theo cam kết của NĐTCL, theo phương thức thoả thuận trực tiếp (Khoản 1, 2 Điều 39 Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ; Điểm a, Khoản 4 Điều 5 Thông tư 196/2011/TT-BTC) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm.

+ Đối với CBCNV của Tổng Công ty căn cứ vào đơn mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên làm việc ở khu vực Nhà nước và cam kết mua thêm theo số năm theo năm cam kết làm việc tiếp tục làm việc của CBCNV theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 5 Thông tư 196/2011/TT-BTC nhưng không thấp hơn giá bán cho NĐTCL.

TCT thu tiền mua cổ phần theo quy chế bán cổ phần được phê duyệt theo đúng thủ tục.

+ Bán đấu giá công khai ra ngoài công chúng (IPO) tại tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định của Nhà nước.

Đồng thời, TCT có thể thoả thuận với Nhà đầu tư chiến lược mua thêm cổ phần mua thêm cổ phần (trong trường hợp cổ phần bán đấu giá còn dư) để đảm bảo cho việc phát hành cổ phần lần đầu thành công.

- Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo và đề xuất phương án xử lý cổ phần không bán hết (nếu có)

b) Báo cáo Bộ phương án nhân sự của Tổng Công ty

Thời gian thực hiện từ ngày 01/04/2016 đến 15/04/2016.

Căn cứ kết quả bán đấu giá cổ phần, phần vốn Nhà nước tại TCT cổ phần và các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, điều kiện của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khác và báo cáo Bộ Quốc phòng, cơ quan có thẩm quyền xem xét ra quyết định chọn cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại TCT-CTCP.

2. Hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần

a) Tổ chức Đại hội cổ đông lần thứ nhất và đăng ký doanh nghiệp.

- Dự kiến thời gian đại hội: Sau 15 ngày, (kể từ 03/05/2016 đến 15/05/2016)

- Chuẩn bị tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông;

- Tổ chức hiệp thương nhân sự;

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

- Đăng ký kinh doanh, khắc dấu TCT - CTCP, in sổ chứng nhận sở hữu cổ phần. Thực hiện ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông.

b) Chốt danh sách đóng BHXH số lao động hợp đồng chuyển về BHXH Thành phố Hà Nội

c) Tổ chức quyết toán, bàn giao doanh nghiệp sang Tổng công ty cổ phần và ra mắt Tổng công ty - CTCP.

3. Đề xuất và kiến nghị

a) Đề nghị Bộ Quốc phòng sớm cấp kinh phí cho Tổng Công ty để giải quyết:

- Lương nghỉ chuẩn bị hưu trí cho số sĩ quan, QNCN theo chế độ 12 tháng nghỉ chờ là: 1.862.314.600 đ;

- Chế độ phục viên của Sĩ quan, QNCN là: 1.236.190.775 đ;

b) Hỗ trợ TCT giải quyết cho Công nhân viên quốc phòng thôi việc chuyển sang ký HĐLĐ là 2.138.289.875 đ

Tổng số là 5.200.190.795 đồng

c) Đề nghị Bộ Quốc phòng xem xét miễn giảm tiền thuê đất cho doanh nghiệp 03 năm đầu khi chuyển sang công ty cổ phần

Kính trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa Bộ Quốc phòng xem xét báo cáo Bộ Quốc phòng phê duyệt phương án cổ phần hóa để Công ty mẹ - Tổng Công ty 36 tổ chức thực hiện./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY 36

Đại tá Nguyễn Đăng Giáp

Nơi nhận:
- Ban chỉ đạo CPH/BQP;
- Cục Kinh tế/BQP;
- Các PTGĐ (Giang, Thuỵ);
- Phòng TLLĐ; Đ/c Thế;
- Lưu VT, ĐM Th (07 bản).

MỤC LỤC

Phần 1: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA.....

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP.....

1. Thông tin cơ bản về Tổng công ty 36.....
2. Quá trình hình thành và phát triển.....
3. Nhiệm vụ quân sự.....
4. Ngành nghề kinh doanh.....
5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty.....
6. Vị thể TCT 36 đối với các doanh nghiệp khác trong ngành.....

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....

1. Đánh giá tổng quát.....
2. Tình hình sản xuất kinh doanh.....
3. Hệ thống quản lý chất lượng.....
4. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty mẹ 3 năm về trước.....
5. Tình hình tài chính hợp nhất của Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.....
6. Đánh giá thuận lợi và khó khăn.....

III. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY MẸ TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....

1. Thực trạng về tài sản cố định.....
2. Thực trạng đất đai, nhà ở.....
3. Thực trạng về lao động.....
4. Những vấn đề tiếp tục xử lý.....

Phần 2: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ.....

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ CỔ PHẦN HÓA.....

1. Cơ sở pháp lý để cổ phần hóa.....
2. Các văn bản chỉ đạo cổ phần hóa.....
3. Mục tiêu cổ phần hóa.....
4. Yêu cầu cổ phần hóa.....
5. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hoá.....
6. Giá trị thực tế doanh nghiệp cổ phần hoá.....

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

1. Hình thức cổ phần hóa.....
2. Thông tin doanh nghiệp cổ phần.....
3. Nhiệm vụ quân sự.....
4. Nhiệm vụ SXKD (ngành nghề kinh)doanh.....

III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY CP

1. Cơ cấu tổ chức.....
2.Các tổ chức đoàn thể.....
3. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty.....
IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN.....
1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....
2. Cổ phần.....
3. Đối tượng mua cổ phần, chính sách CP ưu đãi và việc phát hành qua đấu giá.....
4. Thời điểm bán đấu giá cổ phần.....
5. Cổ phần bán đấu giá (IPO) ra bên ngoài.....
V. PHƯƠNG THỨC BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU VÀ CƠ QUAN BÁN CỔ PHẦN
1. Xác định giá khởi điểm.....
2. Thời gian bán.....
3. Cơ quan tư vấn bán đấu giá.....
4. Xử lý cổ phần không bán hết.....
5. Đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán.....
6. Chi phí cổ phần hóa.....
7.Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần.....
VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG.....
1. Phân loại lao động.....
2. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....
3. Chính sách đối với người lao động khi làm việc ở công ty cổ phần.....
4. Chính sách giải quyết lao động dôi dư.....
5.Chính sách đối với CNQP.....
6. Chính sách đối với sĩ quan, QNCN .....
VII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT KHI CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN
VIII. KẾ HOẠCH SXKD 3 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA.....
1.Đánh giá một số mặt thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến SXKD của TCT.
2. Các dự án tiếp theo sau cổ phần hóa.....
3. Định hướng và chiến lược phát triển.....
4. Mục tiêu phấn đấu.....
5. Các giải pháp thực hiện.....
IX. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN.....
Phần 3: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....
1. Tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa.....
2. Hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần.....
3. Đề xuất và kiến nghị.....

MÔ HÌNH TỔ CHỨC BIÊN CHẾ CÔNG TY CỔ PHẦN

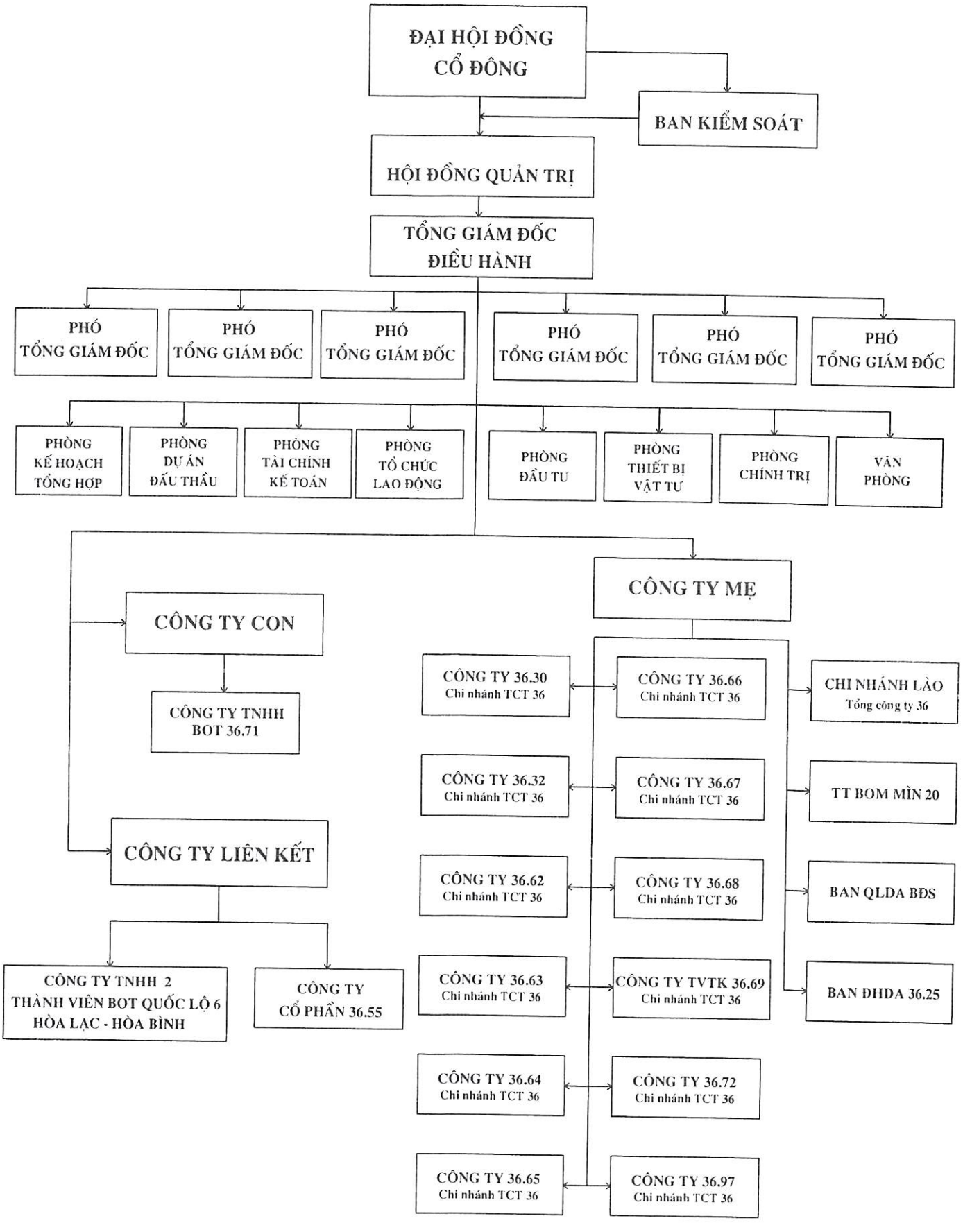

TỔNG HỢP MỘT SỐ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN LỚN ĐANG THI CÔNG NĂM 2015 VÀ DỰ KIẾN 2016, 2017

ĐVT: 1000 đ

TT	TÊN HỢP ĐỒNG	ĐỊA ĐIỂM XD	Số hợp đồng	Giá trị HĐ	Giá trị sản xuất lũy kế đến Tháng 11/2015	Giá trị còn lại	Hoàn thành năm 2015	Hoàn thành năm 2016,2017	QUY MÔ KẾT CẤU CÔNG TRÌNH
I	**TỔNG HỢP MỘT SỐ DỰ ÁN TỔNG CÔNG TY 36 LÀ CHỦ ĐẦU TƯ (Ghi theo tổng mức đầu tư)**								
1	Dự án Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp QL19 đoạn Km17+027 - Km50+00 trên địa phận tỉnh Bình Định và đoạn Km108+00 -Km131+300 trên địa phận tỉnh Gia Lai theo hình thức Hợp đồng BOT			2.405.000.000			x		Chiều dài 55,7 Km
2	Dự án Đầu tư xây dựng đường Hòa Lạc - TP Hòa Bình và Cải tạo Quốc lộ 6 đoạn Xuân Mai - Hòa Bình theo hình thức BOT			2.989.120.000				2016	Chiều dài 55 Km
3	Dự án " Metropolitan CT36" tại tổ 24A phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.			895.000.000				2017	Lô 1, Lô 2 mỗi lô cao 25 tầng và 02 tầng hầm Lô 3, lô 4 là nhà thấp tầng (4 tầng)
4	Dự án Nhà ở tái định cư và Văn phòng cho thuê B6 Giảng Võ			1.077.000.000				2017	Dự kiến cao 28 tầng và 3 tầng hầm
5	Dự án Khu nhà ở căn hộ tái định cư Dự án 678 (Dự án 4-678)			600.000.000				2017	
II	**CÁC CÔNG TRÌNH ĐANG THI CÔNG**								
1	Đường Hoàng Mai - Thái Hoà	Nghệ An	90/HĐXD	656.000.000	387.078.400	268.921.600		2016	Chiều dài 30km, Bnền=12m, Bmặt=7m, Blề = 2x2,5m; cấp 3 đồng bằng, móng CPĐD, BT nhựa hạt trung
2	Gói thầu số 10: Thi công xây dựng đoạn Km779+162-Km789+00 Quốc lộ 1 - Quảng Trị	Quảng Trị	10/2013/HDDG-Quảng Trị	197.167.808	165.987.440	31.180.368		2016	Đường CIIIĐB; 9,02 km; Bn=20,5m. Phân cách cứng =0,5m; dải an toàn = 2x0,5m; Lề: 2x0,5m; Mặt BTN 6cm; móng cấp phối 2 lớp 30+35cm + 02 cầu
3	Gói thầu số 2: Xây dựng đoạn Km10+00 đến Km40+987,86 Đường Yên Tĩnh - Hữu Khuông, Nghệ An	Tương Dương -Nghệ An	Số 18/2011/HĐ/TPCP-XD	379.588.496	332.681.335	46.907.161	x		Đường cấp VI miền núi; 30,9Km; Bn= 6m; Bm=3,5m; BT nhựa apphan; DT 108.143m2 + 05 cầu BTCT DƯL
4	Gói thầu số 33: Tràn xả lũ và Đập phụ thuộc Tiểu dự án công trình đầu mối Hồ chứa nước Ngàn Trươi	Hà Tĩnh	08/2013/HĐTC-XDCT	162.619.887	91.540.566	71.079.321		2016	CT thuỷ lợi đầu mối, đập tràn BTCT.

TT	TÊN HỢP ĐỒNG	ĐỊA ĐIỂM XD	Số hợp đồng	Giá trị HĐ	Giá trị sản xuất lũy kế đến Tháng 11/2015	Giá trị còn lại	Hoàn thành năm 2015	Hoàn thành năm 2016,2017	QUY MÔ KẾT CẤU CÔNG TRÌNH
5	Gói 34: Kênh dẫn và kênh xả tràn thuộc dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang	Hà Tĩnh	02/2013/HĐTC-XDCT	149.239.505	115.479.839	33.759.666	x		CT thuỷ lợi đầu mối, đập tràn BTCT.
6	XL Nhà liên hợp 13 tầng Nhà KTX 10 tầng - Trường cán bộ Thanh tra	Hà Nội	1712/2010/HĐXD	117.226.908	116.210.736	1.016.172	x		Móng cọc ép BTCT, Nhà liên hợp 13 tầng, KTX 10 tầng
7	Trung tâm thông tin KH&CN khu vực phía Nam (Gói 5)	HCM	06/2011/HĐTCXD	330.896.469	287.176.065	43.720.404	x		2 tầng hầm và 15 tầng nổi
8	Gói 5: Xây dựng doanh trại D14,D15,D16, D17, D18+Nhà để xe và nhà ở nhân viên 4 cơ quan Doanh trại e64-Sư 390-OĐ1		425/2015/HĐ-XD	38.996.580	500.000	38.496.580		2016	Xây dựng doanh trại d14, d15,d16, d17,d18 + Nhà để xe và nhà nhân viên lái xe 4 cơ quan
9	Công trình kiểm nghiệm đất thi- Formosa Hà Tĩnh		S3LSAA02	410.712.088	397.968.205	12.743.883	x		
10	Công trình kiểm nghiệm điện khí - Formosa	Hà Tĩnh	S3LVK010	73.555.994	48.966.249	24.589.744	x		
11	Gói 14: Xây lắp các hạng mục công trình hệ thống kênh thông hồ, kênh tiêu Châu Bình, nhà quản lý, đường thi công, bãi tập kết vật liệu Dự án Hồ chứa nước Bản Mồng - Nghệ An.		04/2014/HĐXD/BQLDABMTCT36	482.114.277	201.863.817	280.250.460		2016	Xây lắp các hạng mục công trình hệ thống kênh thông hồ, kênh tiêu Châu Bình, nhà quản lý, đường thi công, bãi tập kết vật liệu
12	Thi công xây lắp khối công trình chính và khối các công trình phụ trợ Dự án ĐTXD Trụ sở làm việc Tổng cục thuế	Lò Đúc - HBT - Hà Nội	189/2014/HĐXD	392.593.154	121.832.743	270.760.411		2016	Xây lắp khối công trình chính và khối các công trình phụ trợ
13	Trung tâm thương mại 9 tầng và Khách sạn 15 tầng tiêu chuẩn 4 sao Dự án: ĐTXD công trình tổng hợp công viên 26/10 thành phố Sơn La	Sơn La	13/2014/HĐ-XD	300.000.000	1.350.482	298.649.518		2016	Xây dựng trung tâm thương mại 9 tầng và Khách sạn 15 tầng tiêu chuẩn 4 sao
14	Gói 06: Xây dựng nhà công vụ An Khánh		2511/HĐKT	42.953.268	5.000.000	37.953.268		2016	
15	Gói thầu XL-02: Thi công xây dựng phần móng, tầng hầm và kết cấu phần thân Nhà khách 8 tầng. Hạng mục: Nhà khách Bộ Quốc phòng 266 Thụy Khuê (DA6-678)		12/2015/HĐKT/SCH	47.820.510	-	47.820.510		2016	Nhà khách 8 tầng
16	Thi công xây dựng phần hoàn thiện, hệ thống điện, nước; cung cấp, lắp đặt thiết bị điện, nước trong nhà - Nhà trung tâm đào tạo Trường Đại học KTQD		888/HĐXD-KTQD	276.703.964	51.938.046	224.765.918		Hoàn thành 2017	Thi công toàn bộ phần điện, nước, thiết bị và một phần hoàn thiện khối khối hành chính

TT	TÊN HỢP ĐỒNG	ĐỊA ĐIỂM XD	Số hợp đồng	Giá trị HĐ	Giá trị sản xuất lũy kế đến Tháng 11/2015	Giá trị còn lại	Hoàn thành năm 2015	Hoàn thành năm 2016,2017	QUY MÔ KẾT CẤU CÔNG TRÌNH
17	Gói thầu số 2: Xây dựng trụ sở làm việc Công an tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa	02/2013/HĐ-XD	141.256.668	100.725.529	40.531.139		2016	Nhà làm việc trung tâm 17 tầng (01 tầng hầm + 16 tầng nổi) và các công trình phụ trợ
18	Hợp đồng nguyên tắc dự án: Khu di tích lịch sử văn hóa Thái Đền Bà chúa Sao Sa (Nữ tiến sĩ Nguyễn Thị Duệ); Chùa Huyền Thiên; Thiền viện trúc lâm Tam Tổ và Khu điều dưỡng, nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe cộng đồng; người có công với tổ quốc, Bà mẹ Việt nam anh Hùng; các đối tượng chính sách khác		01/2015/HĐNT	2.205.200.000	0	2.205.200.000			Khu di tích lịch sử văn hóa Thái Đền Bà chúa Sao Sa (Nữ tiến sĩ Nguyễn Thị Duệ); Chùa Huyền Thiên; Thiền viện trúc lâm Tam Tổ và Khu điều dưỡng....
19	Trường cán bộ Phụ nữ TW (Phần thân)	Hà Nội	115/2011/HĐ XD	114.998.982	114.998.982	-	x		Thi công khối nhà 17 tầng
20	Thi công xây lắp khối nhà sản xuất, khối phụ trợ sản xuất thuộc Dự án Trung tâm sản xuất Mỹ thuật		10DA/2013/HĐ-XD	45.193.272	45.193.272	-	x		TC XL khối nhà sản xuất, phụ trợ sản xuất
21	Gói thầu số 17: Thi công xây dựng nhà chính Dự án: ĐTXD, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa GTVTTW)	Hà Nội	424/2013/HĐ-XD/BVGTVT-TCT36_ARM	213.303.777	213.066.643	237.134	x		Thi công phần TKBVTC, hệ thống ĐHKK (Cả cung cấp, LĐ và xây lắp); PCCC; điện trung thế, trạm biến áp; Thang máy; mạng máy tính; hệ thống điện nhẹ (Camera, truyền hình, báo gọi) Móng cọc khoan nhồi, 2 tầng hầm + 8 tầng nổi và S sàn 2000m2
22	Gói 18: Thi công móng + tầng hầm Dự án ĐTXD khối nhà các khoa kỹ thuật điều trị tổng hợp Viện YHCT Quân đội		178/2014/HĐ-XD/VYHCTQD-TCT36	94.633.186	87.549.038	7.084.148	x		Công trình sử dụng kết cấu móng, cọc bê tông cốt thép 250x250 và 400x400, hệ thống đài giằng móng tường tầng hầm. Chiều cao tầng hầm cao 3,9 m (đến coss 0,00)
23	Gói thầu xây dựng Bệnh viện Bạch Mai - Số 01 (XDBM-01) Dự án Đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nam	06/2015/HĐ-XDBM-01	1.288.543.800	185.764.234	1.102.779.566		Hoàn thành 2017	Xây dựng 3 khối nhà
24	Thi công phần ngầm, phần thân và phần hoàn thiện Nhà làm việc các ban đảng - Công trình A4	Hà Nôi	37/HĐTCXD	160.062.293	157.231.384		x		Thi công phần ngầm, phần thân và phần hoàn thiện

TT	TÊN HỢP ĐỒNG	ĐỊA ĐIỂM XD	Số hợp đồng	Giá trị HĐ	Giá trị sản xuất lũy kế đến Tháng 11/2015	Giá trị còn lại	Hoàn thành năm 2015	Hoàn thành năm 2016,2017	QUY MÔ KẾT CẤU CÔNG TRÌNH
25	Gói thầu XL số 1: Xây dựng nhà làm việc chính Công an quận Hai Bà Trưng	Hà Nội	1568/2013/HĐXD	72.146.637	72.146.637	-	x		Xây dựng nhà làm việc
26	Thi công Kết cấu phần móng + phần thân thuộc Dự án thành phần 1 - Tòa nhà làm việc của Chính phủ Dự án cải tạo Trụ sở làm việc của Chính phủ và văn phòng Chính phủ	Hà Nội	01/2015/HĐNT/BQLCTTS-36	222.260.656	175.580.832	46.679.824		2016	Thi công kết cấu phần thân
27	Thi công xây dựng phần ngầm, phần thân; cung cấp, lắp đặt các hệ thống thiết bị kỹ thuật và hoàn thiện nội ngoại thất Nhà làm việc liên cơ quan tại 105B-107 Quán Thánh	Hà Nội	41A-HĐ/2014/TCXD	344.926.826	269.535.730	75.391.096		2016	Công trình xây dựng dân dụng cấp I: diện tích sàn 2.247 m2, 8 tầng +(2 tầng hầm)
28	Thi công xây dựng hạng mục phần thân (Khối kỹ thuật phụ trợ và khối cao tầng) dự án Trung tâm SX chương trình (thuộc Trung tâm truyền hình Việt Nam) bước 2 - giai đoạn 1		06/2014/HĐTCXDCT-VTV	273.318.260	267.118.014	6.200.246	x		Công trình xây dựng dân dụng cấp đặc biệt gồm 2 khối: khối 5 tầng diện tích sàn 8.694m2 và khối 31 tầng diện tích sàn 2.576m2
29	Gói thầu: Hoàn thiện mặt ngoài khối cao tầng và khối kỹ thuật phụ trợ dự án Trung tâm SX chương trình (thuộc Trung tâm truyền hình Việt Nam) bước 2 - giai đoạn 1		02/2015/HĐTCXDCT-VTV	218.175.275	95.201.803	122.973.472		2016	Hoàn thiện mặt ngoài khối cao tầng và khối kỹ thuật phụ trợ
30	Gói thầu số 19: Xây dựng phần thô nhà nội khoa Dự án: Đầu tư xây dựng cụm công trình trung tâm nhà nội khoa, Nhà ngoại khoa+chuyên khoa, nhà kỹ thuật nghiệp vụ cận lâm sàng Bệnh viện TWQĐ 108	Hà Nội	355/2014/HĐXD	158.026.678	158.026.678	-	x		Gồm 20 tầng + tầng mái
31	Gói thầu số 3: Thi công xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Nhà làm việc, Nhà phụ trợ, các hạng mục phụ trợ Dự án xây dựng Trụ sở giao dịch Hội sở chính Ngân hàng CSXH		56/2014/HĐXD	141.636.435	63.974.346	77.662.089		2016	Xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị Nhà làm việc, Nhà phụ trợ, các hạng mục phụ trợ
32	Thi công xây dựng phần san nền, móng và kết cấu tầng hầm công trình (đến cốt 0,00) Dự án ĐTXD Trụ sở cơ quan Kiểm toán Nhà nước cơ sở II	Yên Hòa - Cầu Giấy - HN	027/2014/HĐTCXDCT-KTNN	147.654.713	145.826.753	1.827.960	x		Móng cọc khoan nhồi, 03 tầng hầm, diện tích xây dựng 1800m2
33	Gói thầu số 37: Cung cấp lắp đặt hệ thống thang máy Dự án: Đầu tư xây dựng cụm công trình trung tâm nhà nội khoa, Nhà ngoại khoa+chuyên khoa, nhà kỹ thuật nghiệp vụ cận lâm sàng Bệnh viện TWQĐ 108		94/2015/HĐTB	143.136.000	0	143.136.000		2016	Thang máy (21 cái) Thang cuốn (10 cái)

TT	TÊN HỢP ĐỒNG	ĐỊA ĐIỂM XD	Số hợp đồng	Giá trị HĐ	Giá trị sản xuất lũy kế đến Tháng 11/2015	Giá trị còn lại	Hoàn thành năm 2015	Hoàn thành năm 2016,2017	QUY MÔ KẾT CẤU CÔNG TRÌNH
34	Gói thầu số 29: Thi công xây dựng kiến trúc + Cấp điện chiếu sáng phần thân + chống sét+cấp thoát nước phần thân nhà nội khoa Bệnh viện TWQĐ 108		217/2015/HĐXD	198.628.803	54.010.409	144.618.394		2016	Xây dựng kiến trúc + Cấp điện chiếu sáng phần thân + chống sét+cấp thoát nước
35	Cung cấp và lắp đặt hệ thống thang máy Nhà Trung tâm đào tạo - Trường Đại học Kinh tế quốc dân		8989/HĐ-KTQD	38.998.000				2017	Cung cấp, lắp đặt thang máy
36	Nhà làm việc kiêm kho Ngân hàng NN - CN tỉnh Bình Định		03/2015/HĐKT/LD36-96&NHBĐ	55.001.209	15.722.806	39.278.403		2016	Thi công xây dựng Nhà làm việc kiêm kho và các hạng mục phụ trợ
37	Gói thầu XD số 02: XD cụm CT đầu mối; Hệ thống kênh mương; Nhà quản lý; Đường thi công; Đê quay và dẫn dòng thi công; Nhà tạm - Thủy lợi căn cứ hậu cần Đăk Sơ Mei/BCHQS tỉnh Gia Lai/QK5	Gia Lai	114/HĐTCXD	42.196.419	28.393.572	13.802.847		2016	XD cụm CT đầu mối; Hệ thống kênh mương; Nhà quản lý; Đường thi công; Đê quay và dẫn dòng thi công; Nhà tạm
38	Gói thầu số 18: Xây lắp các hạng mục Tru sở cơ quan Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam		15/2014/HĐXL-DA	113.426.953	67.548.951	45.878.002		2016	Móng cọc khoan nhồi; 01 tầng hầm + 09 tầng nổi
39	Gói thầu số 7-XD/2014 công trình thủy lợi Khu Kinh tế Quốc phòng EASUP/BĐ16		226/HĐ-XD	75.157.283	24.642.597	50.514.686		2016	Xây đập thủy lợi
40	Gói thầu Đ2 (Km12-Km16) đoạn Thạch Mỹ - Trà Vân (Km0+Km130) dự án Xây dựng đường Trường Sơn Đông		11/2012/HĐ-TCXD	48.955.518	48.955.517	-	x		Thi công 3 Km đường láng nhựa
41	Gói thầu số 20: Xây dựng chung cư N04, dự án: Đầu tư XD Khu Đô thị căn cứ Cam Ranh giai đoạn 1/QCHQ		04/2013/HĐXD	113.530.782	113.530.782	-	x		Xây dựng chung cư
42	Gói 4: Xây dựng khối nhà chung cư đơn nguyên A1 (Trục 1 đến trục 10) thuộc Dự án xây dựng nhà ở công vụ Học viện Hải Quân - QCHQ (Giai đoạn 1)		35/2015/HĐXD	49.869.698	39.465.790	10.403.908		2016	Xây dựng chung cư
43	Gói thầu số 32: Xây dựng nhà sinh hoạt chung; Dự án: Đầu tư khai thác mỏ than Khe Chàm III - TKV		238/HĐ-TKC	55.401.461	55.238.552	162.909	x		Xây dựng nhà sinh hoạt chung
44	Gói thầu số 10: Thi công phá dỡ công trình cũ, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị khu nhà ở công nhân Công ty CP than Mông Dương - VINACOMIN		425/HĐ-KHMD	52.886.905	34.093.713	18.793.192	x		Phá dỡ công trình cũ, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị khu nhà ở công nhân
45	Gói thầu số 2: Thi công xây lắp công trình trụ sở Văn phòng Petrolimex Quảng Ninh	Quảng Ninh	15/HĐXL	81.234.585	80.036.289	1.198.296	x		Xây dựng Văn phòng

TT	TÊN HỢP ĐỒNG	ĐỊA ĐIỂM XD	Số hợp đồng	Giá trị HĐ	Giá trị sản xuất lũy kế đến Tháng 11/2015	Giá trị còn lại	Hoàn thành năm 2015	Hoàn thành năm 2016,2017	QUY MÔ KẾT CẤU CÔNG TRÌNH
46	Gói 4: Thi công xây lắp tuyến đường ngoài nhà máy Dự án khai thác và chế biến muối mỏ tại huyện NongBok, tỉnh Khammouan, Lào		24/HĐ-VLCS	36.032.028	12.912.931	23.119.097	x		Thi công xây lắp tuyến đường ngoài nhà máy
47	Gói thầu TNA 20: XD nền mặt đường đoạn Km142 - Km152; DA Đầu tư XD tuyến phía Tây Nghệ An	Nghệ An	99/HĐXD	68.329.380	59.998.453	8.330.927	x		Thi công 10Km đường láng nhựa
48	Trường nghiệp vụ Biên phòng Quân đội Nhân dân Lào			58.936.260	-			2016-2017	
III	**MỘT SỐ CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN TRIỂN KHAI 2016, 2017**								
1	Nhà công vụ Bộ Tư lệnh LL			315.000.000				2016-2017	
2	Điều hoà KK Bệnh viện 108			123.000.000				2016-2017	
3	Điều hòa Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh			104.000.000				2016-2017	
4	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam CN Nghệ An			120.000.000				2016-2017	
5	Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An			110.000.000				2016-2017	
6	Trung tâm gìn giữ hòa bình Việt Nam			50.000.000				2016-2017	
7	Nhà làm việc khối cơ quan N1 - Trường sĩ quan chính trị			100.000.000				2016-2017	
8	Chi cục thuế Mỹ Đức			47.000.000				2016-2017	
9	Bảo vệ hồ Tân Xã và cải tạo suối Dứa Gai khu Công nghệ cao Hòa Lạc			529.990.000					
10	Dự án Cấp thoát nước Thành phố Huế			500.000.000					
11	Trụ sở Công an Kiến Thụy - Hải Phòng			98.000.000				2016-2017	
12	Thi công xây dựng kết cấu phần thân, hoàn thiện Dự án ĐTXD Trụ sở cơ quan Kiểm toán Nhà nước cơ sở II			326.846.868				2016	
13	Gói thầu hoàn thiện - Đài TH Việt Nam			400.000.000				2016-2017	

TT	TÊN HỢP ĐỒNG	ĐỊA ĐIỂM XD	Số hợp đồng	Giá trị HĐ	Giá trị sản xuất lũy kế đến Tháng 11/2015	Giá trị còn lại	Hoàn thành năm 2015	Hoàn thành năm 2016,2017	QUY MÔ KẾT CẤU CÔNG TRÌNH
14	Phần hoàn thiện Tòa nhà Văn phòng chính phủ			344.606.021				2016-2017	
15	Trung tâm PT-TH Quân đội (phần tường vây)			58.000.000				2016	
16	Nhà ở C13 Quân chủng PKKQ			70.000.000				2016-2017	
17	Gói Đ5 - Dự án đường Trường Sơn Đông			80.100.746				2016-2017	
18	Gói 5: Nhà xưởng SX nhà máy X52-V4/QCHQ			67.000.000				2016-2017	
19	Hệ thống thủy lợi Cao Sơn			45.000.000				2016-2017	

NGƯỜI LẬP **PT.TRƯỞNG PHÒNG**

Hoàng Minh Đức **Dương Thị Huệ**